



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 70 + 71

Ngày 15 tháng 5 năm 2022

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|------------|--|----|
| 19-4-2022- | Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 2 |
| 19-4-2022- | Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng cơ sở giáo dục chuyên biệt ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 33 |
| 19-4-2022- | Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND về ban hành Quy chế quản lý và xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài. | 59 |

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2022/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác phòng, chống thiên tai
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 16 tháng 9 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khí tượng Thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo;

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 344/TTr-SNN ngày 17 tháng 3 năm 2022 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 352/BC-STP ngày 25 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2022 và thay thế Quyết định số 59/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Kèm theo Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về các hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn Thành phố, bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa lớn, lũ, ngập lụt; sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy hoặc hạn hán; nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên, mưa đá, sương mù, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Phòng, chống thiên tai là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm và nghĩa vụ của toàn dân, toàn xã hội; trong đó, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, tổ chức và cá nhân chủ động, cộng đồng hỗ trợ, giúp nhau theo phương thức Nhà nước và Nhân dân cùng làm để đảm bảo phát huy và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước. Phòng, chống thiên tai phải dựa trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến; kế thừa, phát huy những kinh nghiệm truyền thống và thúc đẩy hợp tác quốc tế.

2. Phòng, chống thiên tai gồm 3 giai đoạn: phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả, trong đó, lấy chủ động phòng ngừa là chính.

3. Phòng, chống thiên tai phải được lồng ghép trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội theo từng ngành, lĩnh vực, địa phương, phải tính đầy đủ các tác

động của thiên tai, hạn chế làm gia tăng rủi ro thiên tai.

4. Các cấp, các ngành quán triệt và thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai theo phương châm “bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ) và nguyên tắc “ba sẵn sàng” (phòng ngừa chủ động; ứng phó kịp thời; khắc phục khẩn trương và hiệu quả); đề cao vai trò chủ động tại cơ sở và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức. Xây dựng và triển khai kế hoạch hành động phải phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để tổ chức phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả trong thời gian nhanh nhất khi thiên tai xảy ra nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản của Nhân dân, doanh nghiệp và Nhà nước.

5. Phòng, chống thiên tai phải bảo đảm tính nhân đạo, công bằng, minh bạch và bình đẳng giới.

6. Phòng, chống thiên tai phải dựa trên cơ sở khoa học; kết hợp sử dụng kinh nghiệm truyền thống với tiến bộ khoa học và công nghệ; kết hợp giải pháp công trình và phi công trình; bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.

7. Phòng, chống thiên tai được thực hiện theo sự phân công, phân cấp, phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng và phù hợp với các cấp độ rủi ro thiên tai.

Điều 3. Tổ chức, nhiệm vụ Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn

1. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn được thành lập ở các cấp, các ngành, tổng công ty, doanh nghiệp Nhà nước để tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại địa phương, đơn vị mình.

2. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là Ban Chỉ huy) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập, ban hành quy chế tổ chức, hoạt động và được kiện toàn khi có thay đổi thành viên; giúp Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ huy, điều hành hoạt động phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Ban Chỉ huy có con dấu riêng, được cấp kinh phí từ ngân sách, mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước Thành phố để hoạt động.

Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố có nhiệm vụ tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Phòng, chống thiên tai; khoản 4 Điều 27 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm

2021 của Chính phủ và Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ.

3. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy, có chức năng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc kiểm tra, đôn đốc, chỉ huy điều hành công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi địa phương. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện có con dấu, tài khoản và được cấp kinh phí để hoạt động.

Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện có nhiệm vụ tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Phòng, chống thiên tai; khoản 4 Điều 28 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ.

4. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc kiểm tra, đôn đốc, chỉ huy, điều hành công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi địa phương.

Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã đặt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã. Ban được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã, sử dụng một số cán bộ chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp xã để làm bộ phận thường trực và được cấp kinh phí để hoạt động.

Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã có nhiệm vụ tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Phòng, chống thiên tai; khoản 4 Điều 29 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ.

5. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các ngành, tổng công ty, doanh nghiệp Nhà nước: căn cứ theo điều kiện cụ thể, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định thành lập Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn để triển khai các nhiệm vụ về phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

6. Khi có sự thay đổi nhân sự, thành viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận - huyện, phường - xã, thị trấn, Thủ trưởng các ngành, tổng công ty, doanh nghiệp Nhà nước phải kịp thời ban hành quyết định kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của địa phương, đơn vị mình.

Điều 4. Đảm bảo nguồn lực và các điều kiện hoạt động cho cơ quan và lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai các cấp

1. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm đảm bảo đủ nguồn lực và các điều kiện hoạt động cho hoạt động của cơ quan và lực lượng làm phòng, chống thiên tai cùng cấp, bao gồm: nguồn lực tài chính, nhân lực, trụ sở làm việc, cơ sở vật chất; mua sắm vật tư, phương tiện, trang thiết bị; xây dựng các bộ công cụ hỗ trợ tham mưu ra quyết định chỉ đạo, điều hành và các điều kiện cần thiết khác.

2. Các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai có trách nhiệm xây dựng kế hoạch đảm bảo nguồn lực và các điều kiện hoạt động cho cơ quan, đơn vị và lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai trong phạm vi quản lý trình cơ quan chủ quản phê duyệt.

Chương II PHÒNG NGỪA THIÊN TAI

Điều 5. Các hoạt động phòng ngừa thiên tai của các cấp, các ngành

1. Công tác phòng ngừa thiên tai phải được tiến hành chủ động, thường xuyên, đồng bộ và xuyên suốt ở các cấp, các ngành để hạn chế thấp nhất thiệt hại khi xảy ra thiên tai.

2. Công tác phòng ngừa thiên tai phải xây dựng các hoạt động theo dõi, quan sát, quan trắc, đánh giá rủi ro thiên tai; xây dựng cơ sở dữ liệu về thiên tai; lập bản đồ để cảnh báo thiên tai.

3. Các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện phải xây dựng kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai để nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai ứng phó nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

4. Các cấp, các ngành luôn sẵn sàng chuẩn bị nguồn nhân lực cho phòng, chống thiên tai, tổ chức các lực lượng ứng cứu chuyên trách của các ngành chức năng cấp Thành phố và cấp huyện theo quy định tại Điều 6 Luật Phòng, chống thiên tai năm

2013 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều năm 2020). Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện thành lập, củng cố lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã để đảm bảo thực hiện công tác phòng, chống thiên tai theo phương châm “bốn tại chỗ”.

5. Hàng năm, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện nâng cao năng lực cho cán bộ, lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai; đồng thời, đầu tư, mua sắm cung cấp vật tư, phương tiện, trang thiết bị cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

6. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, phường - xã, thị trấn có khu vực trọng điểm, xung yếu thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai phải chủ động xây dựng phương án dự phòng vật tư, phương tiện, trang thiết bị, lực lượng tại chỗ để kịp thời tổ chức ứng cứu ngay khi xảy ra thiên tai trên địa bàn.

7. Các cấp, các ngành tổ chức trồng và bảo vệ cây xanh, cây chắn sóng, rừng phòng hộ, nhất là các khu vực ven sông, ven biển để tạo cảnh quan, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu.

Điều 6. Công trình xây dựng và các biện pháp đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai

1. Việc đầu tư xây dựng, nâng cấp, bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai và công trình kết hợp phòng, chống thiên tai phải thực hiện theo đúng quy định tại Điều 19, Điều 20 Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều năm 2020).

2. Các cấp, các ngành triển khai kế hoạch phân kỳ đầu tư, nâng cấp đảm bảo khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng, công trình phòng, chống thiên tai, nhất là hệ thống công kiểm soát triều, kè chống sạt lở, đê bao, bờ bao, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền để đảm bảo an toàn trước thiên tai theo tiêu chuẩn thiết kế, không làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai.

3. Các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện tổ chức quản lý, khai thác, vận hành, sử dụng các công trình phòng, chống thiên tai theo phân cấp. Trong phạm vi quản lý của mình, các cấp, các ngành phải thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá chất lượng, mức độ an toàn của công trình nhằm kịp thời phát hiện sự cố, hư hỏng, khiếm khuyết để có biện pháp sửa

chữa, duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp đảm bảo an toàn. Các đơn vị, địa phương phải chủ động kế hoạch đầu tư kiên cố hóa, trường hợp vượt quá khả năng của địa phương, đơn vị mình thì báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố đầu tư xây dựng mới công trình phòng, chống thiên tai, lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và kế hoạch 05 năm của Thành phố.

4. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng các khu đô thị, khu du lịch, khu công nghiệp, khu di tích lịch sử, công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác phải thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quy chuẩn kỹ thuật, quy định do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định tại khoản 11 (Điều 18a) và khoản 12 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều năm 2020.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang khu đô thị, khu du lịch, khu công nghiệp, khu di tích lịch sử, công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác theo quy định tại Thông tư 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Việc xây dựng mới nhà ở, công trình tại các khu vực ven sông, ven biển, vùng thường xuyên bị ngập lụt, vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng trực tiếp bão, áp thấp nhiệt đới phải đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch và đảm bảo tiêu chuẩn về phòng, chống thiên tai, cốt nền, hành lang, chỉ giới an toàn bờ sông, kênh, rạch. Đối với các công trình, nhà cao tầng cần tính toán yếu tố phòng, chống động đất.

6. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng công trình, nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình có trách nhiệm thực hiện các tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã kiểm tra việc thực hiện các tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có biện pháp ngăn ngừa, xử lý việc xây dựng lấn chiếm vi phạm mốc hành lang bảo vệ an toàn bờ sông, kênh, rạch theo đúng quy định để đảm bảo an toàn về tính mạng, tài sản của Nhân dân và không làm ảnh hưởng đến dòng chảy tiêu thoát nước.

8. Đối với những công trình, nhà ở hiện có nằm trong chỉ giới, hành lang bảo vệ an toàn bờ sông, kênh, rạch, vùng có nguy cơ sạt lở cao, không an toàn khi xảy ra thiên tai, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện lập quy hoạch giải tỏa và xây dựng kế hoạch hàng năm để chủ động di dời dân khỏi khu vực xung

yếu đến nơi định cư an toàn. Trong trường hợp cụ thể, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện thực hiện chính sách bồi thường hoặc hỗ trợ di dời theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai

Nội dung phòng, chống thiên tai phải được lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, địa phương theo hướng kết hợp đa mục tiêu, hạn chế tối đa việc gia tăng rủi ro thiên tai, thích ứng với đặc điểm của từng quận – huyện, nhất là huyện Cần Giờ và các khu vực trũng thấp có nguy cơ bị ảnh hưởng của xu hướng biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Điều 8. Quy hoạch, quản lý hoạt động tàu thuyền

Quy hoạch bố trí các khu vực neo đậu tàu, thuyền tránh, trú bão, các bến tàu khách, đò ngang, đò dọc đảm bảo an toàn trong điều kiện thiên tai. Các phương tiện tàu, thuyền khi hoạt động trên sông, trên biển phải được trang bị hệ thống thông tin liên lạc, tín hiệu, thiết bị bảo đảm an toàn cho người và tàu thuyền theo đúng quy định.

Điều 9. Hoạt động thông tin, truyền thông, liên lạc

1. Các cấp, các ngành tăng cường các hoạt động thông tin, truyền thông và giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai để hình thành văn hóa phòng ngừa, chủ động và tích cực tham gia vào công tác phòng, chống thiên tai của đại đa số người dân nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản và ảnh hưởng môi trường do thiên tai gây ra.

2. Nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc để đảm bảo thông suốt, đặc biệt trong thời gian xảy ra thiên tai ở tất cả các khu vực trên địa bàn Thành phố.

Điều 10. Ứng dụng khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế trong phòng ngừa thiên tai

1. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, kỹ thuật và sử dụng vật liệu mới trong phòng, chống thiên tai; ưu tiên bố trí nguồn lực để nghiên cứu, triển khai các chương trình khoa học công nghệ trong phòng, chống thiên tai.

2. Tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, chuyên gia, ứng dụng khoa học công nghệ mới về phòng, chống thiên tai, nhất là dự báo, cảnh báo, quản lý rủi ro thiên tai; đồng thời, tiếp nhận hỗ trợ của tổ chức quốc tế trong phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Chương III

ỨNG PHÓ THIÊN TAI

Điều 11. Phân công, phân cấp trách nhiệm ứng phó rủi ro thiên tai

Các cấp, các ngành tổ chức ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai được phân công, phân cấp tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ.

Điều 12. Tình huống khẩn cấp về thiên tai

1. Tình huống khẩn cấp về thiên tai là các tình huống khẩn cấp được quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ. Khi có xảy ra tình huống khẩn cấp về thiên tai các cấp, các ngành cần tổ chức triển khai ngay các biện pháp ứng phó khẩn cấp để kịp thời ngăn chặn hậu quả và khắc phục nhanh hậu quả. Tình huống khẩn cấp về thiên tai được công bố bằng quyết định của người có thẩm quyền.

2. Nội dung quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai xảy ra trên địa bàn Thành phố theo đề xuất của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

Căn cứ diễn biến thiên tai hoặc kết quả khắc phục sự cố, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định công bố kết thúc tình huống khẩn cấp thiên tai.

4. Trường hợp tình huống khẩn cấp về thiên tai vượt quá khả năng ứng phó của Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Ban chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai để trình Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo.

Điều 13. Chế độ truyền tin, cảnh báo thiên tai

1. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố chịu trách nhiệm triển khai tổ chức tuyên truyền các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai và văn bản chỉ đạo phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai của cơ quan chức năng đến các cấp, các ngành, các tổ chức kinh tế - xã hội và Nhân dân trên địa bàn Thành phố; đồng thời, các cơ quan chức năng khẩn trương triển khai thực hiện

ngay các phương án ứng phó thiên tai.

2. Đài Truyền hình Thành phố, Đài Tiếng nói Nhân dân Thành phố, Đài Thông tin duyên hải Thành phố, các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận – huyện chỉ đạo, tổ chức phổ biến kịp thời và chính xác các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai, văn bản chỉ đạo ứng phó thiên tai của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai, Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố phù hợp với diễn biến thiên tai và biện pháp ứng phó của Thành phố.

Trách nhiệm truyền tin, tần suất, thời lượng phát tin và mạng lưới thông tin, trang thiết bị phục vụ thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.

3. Tin báo, cảnh báo và các văn bản chỉ đạo ứng phó xả lũ từ các hồ chứa thượng nguồn hoặc khi có tổ hợp bất lợi xả lũ hồ chứa kết hợp thời điểm hạ du xuất hiện triều cường, mưa lớn, yêu cầu các cấp, các ngành thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai và theo Phương án chủ động phòng, chống, ứng phó tình trạng ngập lụt do mưa lớn, triều cường và xả lũ trên địa bàn Thành phố, Phương án điều tiết, vận hành hồ Dầu Tiếng đảm bảo an toàn hồ chứa và hạ du đã được Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

Điều 14. Công tác chỉ đạo, chỉ huy, trực tiếp kiểm tra địa bàn

1. Công tác chỉ đạo, trực tiếp kiểm tra địa bàn, trước hết là các địa bàn trọng điểm, xung yếu phải được thực hiện kịp thời ngay trước khi thiên tai xảy ra ở tất cả các cấp, các ngành để chủ động và phát huy sức mạnh tổng hợp tại cơ sở nhằm tổ chức ứng phó thiên tai đạt hiệu quả.

2. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố trực tiếp kiểm tra và chỉ đạo công tác ứng phó thiên tai tại địa bàn thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

3. Các sở, ngành Thành phố trực tiếp kiểm tra và chỉ đạo công tác ứng phó tại các đơn vị trực thuộc sở, ngành.

4. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Thủ Đức

và các quận - huyện trực tiếp kiểm tra và chỉ đạo công tác ứng phó thiên tai tại địa bàn các phường - xã, thị trấn.

5. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các phường - xã, thị trấn trực tiếp kiểm tra và chỉ đạo, hướng dẫn các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn khu phố, ấp và cộng đồng dân cư, khu vực xung yếu ở mỗi địa phương.

Điều 15. Công tác bảo vệ và cứu hộ công trình

1. Khi xảy ra thiên tai, các cấp, các ngành triển khai ngay công tác bảo vệ và cứu hộ các công trình phòng, chống thiên tai, các công trình trọng điểm (liên quan đến an ninh, quốc phòng, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, tài nguyên đặc biệt) đang bị sự cố thiên tai hoặc có nguy cơ gây ra tai họa.

2. Các đơn vị, địa phương căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP của Chính phủ để đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo khắc phục ngay hoặc xử lý kịp thời hậu quả do thiên tai gây ra khi có các tình huống khẩn cấp theo địa bàn phụ trách, quản lý.

Điều 16. Bảo đảm an toàn cho tàu, thuyền

Thực hiện nghiêm lệnh cấm tàu, thuyền ra khơi khi xảy ra thiên tai, nhất là bão, áp thấp nhiệt đới. Tổ chức kiểm soát chặt chẽ tàu, thuyền, thuyền viên, thủy thủ không cho xuất bến ra khơi khi có bão, áp thấp nhiệt đới đang ảnh hưởng trực tiếp đến Thành phố. Quản lý, bảo vệ an toàn tàu thuyền tại các khu neo đậu tránh, trú bão tập trung, xử lý kiên quyết các trường hợp vi phạm.

Điều 17. Bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai trong bối cảnh có dịch bệnh

Khi xảy ra thiên tai trong bối cảnh có dịch bệnh diễn biến phức tạp, các cấp, các ngành ngoài việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, biện pháp phòng, chống, ứng phó thiên tai được quy định tại Quy định này thì các cấp, các ngành phải tiến hành đồng thời các nhiệm vụ, biện pháp phòng, chống, ứng phó với dịch bệnh theo các quy định của ngành y tế đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh. Chủ động phương án ứng phó với nguy cơ rủi ro thảm họa kép “thiên tai, dịch bệnh”, trong đó đặc biệt lưu ý công tác chống dịch khi tổ chức phương án di dời, sơ tán tập trung Nhân dân đến các nơi tạm cư an toàn; kiểm tra, đảm bảo các yêu cầu, điều kiện phòng, chống dịch bệnh theo quy định trong hoạt động sơ tán dân, di dời tránh trú thiên tai an toàn.

Điều 18. Tổ chức tạm cư cho Nhân dân sơ tán, di dời

1. Tổ chức chu đáo, an toàn tuyệt đối việc sơ tán, di dời dân ra khỏi khu vực xung yếu, nguy hiểm đến nơi tạm cư kiên cố, an toàn, đặc biệt chú trọng bảo vệ đối tượng dễ bị tổn thương trong các tình huống thiên tai khẩn cấp; đồng thời, có kế hoạch bảo vệ tài sản của người dân tại khu vực đã sơ tán, di dời.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quận - huyện, phường - xã, thị trấn trung dụng các công trình kiên cố, an toàn tại chỗ để phục vụ yêu cầu bố trí tạm cư cho Nhân dân sơ tán, di dời khi có thiên tai. Phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể đảm bảo tốt các điều kiện về hậu cần, chăm sóc sức khỏe, phòng dịch, cấp cứu, vệ sinh môi trường, bảo vệ an ninh trật tự tại các điểm tạm cư sơ tán dân cho đến khi kết thúc thiên tai.

Điều 19. Huy động lực lượng, vật tư, phương tiện

1. Khi xảy ra thiên tai, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, các cấp, các ngành thực hiện ngay biện pháp huy động lực lượng, vật tư, phương tiện dự trữ để tìm kiếm cứu nạn theo phương châm “bốn tại chỗ”.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn có trách nhiệm huy động lực lượng, vật tư, phương tiện hiện có của địa phương và vận động nhân dân, doanh nghiệp đóng góp nhân lực, vật lực tham gia hỗ trợ ứng phó thiên tai theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 7 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ.

3. Mọi chi phí cho việc huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để ứng cứu khẩn cấp chống thiên tai do cơ quan ban hành quyết định huy động chịu trách nhiệm thanh toán, hoàn trả theo quy định của pháp luật. Trường hợp khó khăn báo cáo cơ quan cấp trên để xem xét, quyết định.

Điều 20. Tổ chức tìm kiếm cứu nạn

1. Khi xảy ra sự cố thiên tai, các cấp, các ngành tổ chức tìm kiếm cứu nạn theo Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trường hợp có lực lượng nước ngoài tham gia tìm kiếm cứu nạn khi xảy ra sự cố thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh phải thực hiện đầy đủ các trình tự về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định tại Mục 5 Chương 2 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ.

Điều 21. Bảo đảm an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công an Thành phố chủ trì cùng Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện triển khai chu đáo kế hoạch, phương án bảo đảm an ninh và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước, doanh nghiệp và Nhân dân tại khu vực, địa bàn xảy ra thiên tai.

Điều 22. Tổ chức trực ban, thông tin, báo cáo

Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc chế độ trực ban phòng, chống thiên tai theo quy định. Đảm bảo thông tin, liên lạc chỉ huy thông suốt trong mọi tình huống từ Thành phố đến cơ sở. Thực hiện chế độ báo cáo công tác ứng phó thiên tai ở đơn vị, địa phương mình, nếu vượt thẩm quyền hoặc khả năng giải quyết, xử lý phải báo cáo ngay cho cơ quan cấp trên; đối với Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố báo cáo cho Ủy ban nhân dân Thành phố để chỉ đạo kịp thời.

Chương IV **KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI**

Điều 23. Trách nhiệm triển khai khắc phục hậu quả thiên tai

1. Các cấp, các ngành, các đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức trong và ngoài nước đóng trên địa bàn Thành phố, tổng công ty và mọi công dân trên địa bàn Thành phố có trách nhiệm và phải chủ động tiến hành, tích cực tham gia việc khắc phục hậu quả thiên tai nhằm giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra, nhanh chóng ổn định đời sống Nhân dân, phục hồi sản xuất - kinh doanh.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận - huyện, phường - xã, thị trấn trực tiếp chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả thiên tai ở địa phương mình. Công tác khắc phục hậu quả thiên tai phải đảm bảo kịp thời, hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng đối tượng; ưu tiên hỗ trợ dân sinh, phục hồi sản xuất và khắc phục khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai và công trình xây dựng thiết yếu; khôi phục, sửa chữa, xây dựng lại đảm bảo bền vững hơn.

Điều 24. Biện pháp khắc phục hậu quả thiên tai

1. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành kịp thời chỉ đạo các đơn vị y tế trực thuộc cấp cứu, điều trị nạn nhân do thiên tai gây ra (nếu có) tại các cơ sở y tế gần nhất. Chủ động phối, kết hợp với các địa phương

giáp ranh, đặc biệt là các khu vực ven biển, ven sông tích cực tìm kiếm người mất tích do thiên tai.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận - huyện, phường - xã, thị trấn phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể kịp thời tổ chức cứu trợ lương thực, thực phẩm, chăm sóc y tế, vệ sinh môi trường, hỗ trợ kinh phí, giúp đỡ Nhân dân sửa chữa, xây dựng lại nhà ở bị thiệt hại, sớm ổn định đời sống trong vùng do thiên tai gây ra.

3. Các ngành, các cấp tích cực thực hiện các biện pháp tập trung lực lượng, kinh phí để nhanh chóng sửa chữa, khôi phục các công trình phòng, chống thiên tai và các công trình hạ tầng bị thiệt hại, hư hỏng, đảm bảo trong thời gian sớm nhất đưa vào sử dụng và trở lại hoạt động bình thường, nhất là trường học, bệnh viện, trạm y tế và các công trình điện, nước sạch, thông tin liên lạc, giao thông.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận - huyện, phường - xã, thị trấn trực tiếp chỉ đạo công tác điều tra, thống kê, đánh giá thiệt hại, đề xuất nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ đảm bảo kịp thời, hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng đối tượng và huy động, phân bổ, triển khai nguồn lực tài chính hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thống kê và đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra. Báo cáo kết quả cho cấp trên để chỉ đạo, quyết định các biện pháp xử lý cần thiết.

Chương V

TRÁCH NHIỆM PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI

Mục 1

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐƠN VỊ THÀNH PHỐ

Điều 25. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố

1. Là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai trên địa bàn Thành phố.

2. Thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận - huyện, các tổ

chức trong và ngoài nước đóng trên địa bàn Thành phố và các cơ quan thông tin đại chúng xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó từng loại hình thiên tai đảm bảo sát với thực tế; đồng thời là cơ quan đầu mối chủ trì tổ chức thực hiện công tác phòng, chống thiên tai nhằm phát triển ổn định kinh tế - xã hội, bảo vệ an toàn, tính mạng và tài sản của Nhân dân trên địa bàn Thành phố.

3. Tổ chức tập huấn, diễn tập cho các lực lượng trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai và Nhân dân trong vùng thiên tai.

4. Phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện đề xuất đầu tư công trình, dự án, phương tiện, trang thiết bị, vật tư, kinh phí phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định. Chủ động và kịp thời chỉ đạo, điều động các lực lượng, phương tiện, vật tư để chi viện, ứng phó khi có tình huống đột xuất do thiên tai để hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất; khắc phục hậu quả, sớm phục hồi sản xuất, cơ sở vật chất kỹ thuật và ổn định đời sống Nhân dân.

5. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, quyết toán Quỹ Phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (hàng quý, sơ kết, tổng kết) và báo cáo đột xuất về công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định.

Điều 26. Bộ Tư lệnh Thành phố

1. Chủ trì xây dựng phương án, kế hoạch chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai. Khi thiên tai xảy ra, chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị để triển khai thực hiện công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai kịp thời và hiệu quả.

2. Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện trong công tác phòng, chống thiên tai; huấn luyện sử dụng thành thạo các loại phương tiện, trang thiết bị và thực hành diễn tập cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã để đảm bảo ứng phó kịp thời khi có thiên tai.

3. Chủ trì triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn trong thiên tai trên địa bàn Thành phố. Báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố và Quân khu 7 chỉ đạo, giải quyết kịp thời những tình huống sự cố thiên tai phức tạp.

Điều 27. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố

1. Tổ chức, chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện và sẵn sàng tham gia tìm kiếm cứu nạn trên biển và vùng ven biển Thành phố.

2. Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành thực hiện các quy định về trang thiết bị thông tin, liên lạc, trang thiết bị đảm bảo an toàn trên các phương tiện tàu, thuyền khi đang hoạt động.

3. Tổ chức thông báo và thực hiện kiểm soát, ngăn chặn không cho tàu thuyền ra khơi theo chỉ đạo của cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

Điều 28. Công an Thành phố

1. Chủ trì lập, triển khai kế hoạch và phương án bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội; đảm bảo công tác giam giữ tại các trại giam, nhà tạm giữ không để phạm nhân bỏ trốn; không để kẻ địch, tội phạm, phần tử xấu lợi dụng thiên tai để phá hoại, chiếm đoạt tài sản của Nhà nước và Nhân dân trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra.

2. Tổ chức tập huấn, diễn tập, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao kỹ năng và hiệu quả trong công tác phòng, chống thiên tai.

3. Tham gia sơ tán, di dời dân khỏi những nơi nguy hiểm, làm tốt công tác vận động, tuyên truyền để người dân hiểu, chấp hành sơ tán, di dời, hạn chế thấp nhất các trường hợp cưỡng chế.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế thực hiện giám định ADN theo quy định khi có các nạn nhân vô danh, chưa được gia đình nhận dạng do thiên tai gây ra trước khi mai táng.

5. Khi xảy ra thiên tai, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện thực hiện kịp thời công tác ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, khắc phục sự cố do thiên tai gây ra.

Điều 29. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Triển khai lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai trong các quy hoạch, kế hoạch liên quan đến sử dụng tài nguyên đất, nước để bảo đảm an toàn, hạn chế tác động làm gia tăng rủi ro thiên tai.

2. Chủ trì triển khai thực hiện Quy chế phòng, chống động đất, sóng thần theo Quyết định số 78/2007/QĐ-TTg ngày 29 tháng 05 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ. Phổ biến, tuyên truyền sâu rộng đến Nhân dân các biện pháp ứng phó động đất, sóng thần và tổ chức diễn tập các tình huống sự cố có thể xảy ra để Nhân dân, các cơ quan, doanh nghiệp nâng cao ý thức việc thực hiện phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả động đất, sóng thần trên địa bàn Thành phố.

3. Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện xây dựng và triển khai Kế hoạch xử lý môi trường sau thiên tai.

4. Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện cập nhật và triển khai Kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn Thành phố, đáp ứng mục đích khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn cho công tác dự báo, cảnh báo thiên tai, đảm bảo tính đồng bộ, tiên tiến, có kế thừa, không trùng lặp, chồng chéo với mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia và phù hợp với mục tiêu phát triển của Thành phố.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương kiểm tra, xử lý các trường hợp khai thác cát, đất trái phép gây sạt lở bờ sông, kênh, rạch, công trình phòng, chống thiên tai, đặc biệt là công trình thủy lợi, đê điều.

Điều 30. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức và thực hiện việc quản lý, sử dụng, sửa chữa, duy tu nâng cấp các công trình thủy lợi, đê điều do ngành và địa phương quản lý.

2. Phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện liên quan triển khai thực hiện chính sách, chương trình di dời dân tại những vùng có khả năng bị ảnh hưởng của các loại hình thiên tai để đảm bảo an toàn.

3. Phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ bảo đảm an toàn cho người, tàu thuyền hoạt động trên biển, Nhân dân vùng ven biển, vùng nuôi trồng và đánh bắt thủy, hải sản.

Điều 31. Sở Xây dựng

1. Chủ trì tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố các giải pháp quản lý, phòng chống, khắc phục tình trạng ngập lụt đô thị trên địa bàn Thành phố đảm bảo hiệu quả.

2. Chủ trì xây dựng và triển khai các phương án, kế hoạch ứng cứu, khắc phục, xử lý các sự cố về công trình xây dựng, sự cố cây xanh, hệ thống chiếu sáng bị ngã đổ do thiên tai gây ra; triển khai các dự án, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị phục vụ tiêu thoát nước, chống ngập đô thị.

3. Hướng dẫn các chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang khu đô thị, khu du lịch, khu công nghiệp và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Điều 32. Sở Giao thông vận tải

1. Chủ trì tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố các giải pháp về phát triển ngành giao thông vận tải lồng ghép vào nội dung phòng, chống thiên tai nhằm chủ động ứng phó với thiên tai.

2. Tổ chức huy động phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy phù hợp với địa hình Thành phố khi xảy ra thiên tai để kịp thời đáp ứng yêu cầu di chuyển dân cư, lực lượng cứu nạn, vận chuyển hàng cứu trợ, bảo đảm giao thông thông suốt phục vụ công tác di dời dân; điều phối, kiểm soát an toàn giao thông thủy, bộ ở khu vực xảy ra thiên tai. Chủ trì xây dựng và triển khai các phương án, kế hoạch ứng cứu, khắc phục, xử lý các sự cố về công trình giao thông (cầu, đường, bến phà, hầm Thủ Thiêm...) do thiên tai gây ra.

3. Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan kiểm tra hoạt động của các bến đò ngang, đò dọc, các phương tiện vận tải hành khách, tàu cánh ngầm, tàu nhà hàng, tàu du lịch, nhất là việc trang bị các phương tiện, thiết bị cứu sinh để bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông đường thủy trong điều kiện có thiên tai; thực hiện biện pháp nghiêm cấm các phương tiện hoạt động khi có xảy ra thiên tai, thời tiết bất lợi.

Điều 33. Sở Công Thương

1. Chủ trì xây dựng phương án, kế hoạch bảo đảm cung ứng các mặt hàng thiết yếu cung ứng cho Nhân dân trong trường hợp xảy ra thiên tai diện rộng như: bão, áp thấp nhiệt đới, động đất, sóng thần, ngập lụt. Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện tốt việc dự phòng lương thực, thực phẩm và nhu yếu phẩm cần thiết để đủ cung cấp cho Nhân dân tại các địa bàn có nguy cơ bị cô lập do thiên tai.

2. Trong thời gian xảy ra thiên tai và giai đoạn khắc phục hậu quả phải có biện pháp quản lý lưu thông hàng hóa, điều tiết thị trường, đặc biệt là lương thực, nhu yếu phẩm, vật liệu xây dựng..., kiên quyết xử lý các hành vi đầu cơ, nâng giá, lũng đoạn thị trường, gian lận thương mại và các hành vi khác vi phạm pháp luật của các tổ chức, cá nhân kinh doanh trên địa bàn Thành phố.

Điều 34. Sở Y tế

1. Chủ trì xây dựng và triển khai phương án ứng phó với nguy cơ rủi ro thảm họa kép “thiên tai, dịch bệnh”, trong đó đặc biệt lưu ý công tác chống dịch khi tổ chức phương án di dời, sơ tán tập trung Nhân dân đến các nơi tạm cư an toàn; tổ chức kiểm tra, đảm bảo các yêu cầu, điều kiện phòng, chống dịch bệnh theo quy định trong hoạt động sơ tán dân, di tản tránh trú thiên tai an toàn.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương tăng cường công tác truyền thông, giáo dục, hướng dẫn thực hiện phòng ngừa dịch bệnh trong mùa mưa bão.

3. Xây dựng phương án cấp cứu, điều trị nạn nhân trong mọi tình huống xảy ra thiên tai. Bảo đảm cho các cơ sở y tế hoạt động an toàn tuyệt đối, không để người bệnh, nhân viên y tế bị thiệt mạng; hư hỏng, thất thoát thuốc, hóa chất, máy móc thiết bị y tế do thiên tai. Phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang làm tốt công tác kết hợp quân - dân y trong phòng, chống thiên tai. Sẵn sàng chi viện các địa phương ngay khi có lệnh điều động của Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Các bệnh viện, cơ sở điều trị từ tuyến quận - huyện trở lên tổ chức các đội cấp cứu lưu động với đầy đủ cán bộ chuyên môn, thuốc men, thiết bị y tế và phương tiện đi lại, tổ chức ứng trực sẵn sàng làm nhiệm vụ trong mùa mưa bão. Bố trí các trạm cấp cứu bám sát các khu vực tạm cư nơi Nhân dân sơ tán, di dời với đầy đủ cán bộ y tế, thuốc men và phương tiện cấp cứu, triển khai kịp thời công tác phòng ngừa dịch bệnh. Dự trữ lương thực, thực phẩm cùng các phương tiện, vật tư bảo đảm cho các bệnh viện hoạt động trong thời gian xảy ra thiên tai.

5. Tiếp nhận và bảo quản an toàn tử thi của nạn nhân bị thiệt mạng do thiên tai theo đúng quy định; đồng thời, hỗ trợ Công an Thành phố thực hiện kỹ thuật giám định ADN để xác định danh tính nạn nhân.

Điều 35. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và các sở, ngành, đơn vị, địa phương bị thiệt hại do thiên tai tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định chính sách cứu trợ xã hội (khẩn cấp) đối với các đối tượng gặp khó khăn do thiên tai theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Đề xuất chính sách hỗ trợ cho người dân bị thiệt hại do thiên tai sớm khắc phục hậu quả, ổn định cuộc sống trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, chính sách về tiền lương, phụ cấp, trợ cấp, cứu trợ xã hội cho người lao động thuộc lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

Điều 36. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông và các đơn vị liên quan xây dựng phương án đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ sự chỉ đạo, điều hành, dự báo, cảnh báo của chính quyền và Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và

Tìm kiếm cứu nạn các cấp trong công tác phòng, chống thiên tai, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm dự báo có nhiều khả năng bị ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai.

2. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân sử dụng đúng mục đích các tần số quy định cho thông tin liên lạc, tìm kiếm cứu nạn, dự báo thời tiết, thiên tai; đồng thời, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật trong việc sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện trên các phương tiện hoạt động trên biển.

Điều 37. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì, phối hợp Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tổ chức thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

2. Chủ trì, phối hợp Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Sở Tài chính tổng hợp đề xuất, ưu tiên cân đối nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của Thành phố để thực hiện các dự án, nhiệm vụ khẩn cấp, cấp bách phòng, chống thiên tai theo quy định của Luật Đầu tư công, phù hợp với khả năng cân đối vốn của Thành phố.

3. Phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố có liên quan tham mưu, đề xuất huy động các nguồn vốn đầu tư hợp pháp để triển khai các công trình, dự án phòng, chống thiên tai trên địa bàn Thành phố trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định; đồng thời, tham gia kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư các công trình, dự án phòng, chống thiên tai.

Điều 38. Sở Tài chính

1. Chủ trì tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác tài chính để thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ trong hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn Thành phố.

2. Tổng hợp, thẩm tra và trình Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí hoạt động thường xuyên cho các sở, ngành, đơn vị thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ về phòng, chống thiên tai; kiểm tra việc sử dụng kinh phí phục vụ công tác phòng, chống thiên tai của các đơn vị, địa phương theo kế hoạch bố trí vốn hàng năm.

Điều 39. Sở Quy hoạch - Kiến trúc

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương nghiên cứu, lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch tổng thể chung của Thành phố nhằm chủ động ứng phó với thiên tai, không làm gia tăng rủi ro thiên tai.

2. Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện xây dựng các dự án, công trình hệ thống tiêu thoát nước của các đơn vị, địa phương theo quy hoạch được duyệt.

Điều 40. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố có liên quan nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai; nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới, công nghệ tiên tiến trong xây dựng, vận hành công trình phòng, chống thiên tai đảm bảo an toàn, bền vững, thân thiện với môi trường.

Điều 41. Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện triển khai lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào một số chương trình học để phổ biến, giảng dạy tại các cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

2. Các trường học, cơ sở dạy nghề đóng trên địa bàn Thành phố phải tổ chức kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn của trụ sở trường, hệ thống cây xanh trong khuôn viên nhà trường trước, trong và sau mùa mưa bão để đề xuất cơ quan có thẩm quyền biện pháp xử lý, giải quyết nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối cho học sinh, sinh viên, giáo viên, nhân viên.

Điều 42. Sở Văn hóa và Thể thao

1. Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện kiểm tra, khuyến cáo, yêu cầu các doanh nghiệp quảng cáo thực hiện chằng chống, gia cố các pa-nô, bảng quảng cáo đúng kỹ thuật, đề phòng gây đổ gãy tai nạn khi có bão, lốc xoáy, giông gió; đặc biệt là các bảng quảng cáo có kích thước lớn nằm trong khu dân cư trên địa bàn Thành phố phải thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật quy định nhằm đảm bảo an toàn, có khả năng chống chịu khi xảy ra bão, lốc xoáy, giông gió.

2. Chủ trì, phối hợp các địa phương, đơn vị tổ chức các chương trình huấn luyện, dạy bơi, nhất là kỹ năng phòng, chống đuối nước cho trẻ em trong mùa mưa lũ.

Điều 43. Sở Du lịch

1. Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương, các doanh nghiệp xây dựng và tổ chức triển khai phương án, kế hoạch quản lý các địa điểm du lịch, tuyến du lịch

phù hợp với đặc điểm loại hình thiên tai ở từng địa bàn nhằm bảo đảm an toàn tính mạng con người, cơ sở vật chất khi xảy ra thiên tai, nhất là phương án đảm bảo an toàn trên các tuyến du lịch đường sông, đường biển.

2. Phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan chức năng để có những phương án cụ thể đảm bảo an toàn cho du khách, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên ngành du lịch tại các khách sạn, nhà nghỉ, địa điểm du lịch và các tuyến du lịch nơi xảy ra thiên tai.

Điều 44. Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với sở, ngành, đơn vị Thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện rà soát, bố trí đủ biên chế chính thức (chuyên trách) hoặc biên chế kiêm nhiệm cho các cơ quan, đơn vị trực tiếp làm nhiệm vụ phòng, chống thiên tai.

2. Phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố nghiên cứu, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố kiện toàn, xây dựng quy chế, quy định liên quan đến bộ máy, tổ chức, hoạt động, nhân sự của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

Điều 45. Sở Ngoại vụ

Chủ trì, phối hợp Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và các đơn vị liên quan trong việc đẩy mạnh và mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

Điều 46. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố

Tiếp nhận, nghiên cứu, xem xét các đề xuất, xử lý các báo cáo, văn bản, kiến nghị của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, các sở, ngành, đơn vị Thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện trong thời gian sớm nhất; dự thảo văn bản, trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố ký các quyết định, chỉ thị hoặc văn bản chỉ đạo, giải quyết; truyền đạt các ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

Điều 47. Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố

1. Chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư và kinh phí để chủ động tham gia phòng, chống thiên tai; chi viện, hỗ trợ cho thành phố Thủ Đức, quận - huyện khi được yêu cầu và tham gia lực lượng tìm kiếm cứu nạn của Thành phố.

2. Phối hợp với Công an Thành phố, Sở Giao thông vận tải tăng cường lực

lượng hướng dẫn, giải quyết, xử lý ách tắc giao thông, đảm bảo hoạt động thông suốt, nhất là tại bến phà Bình Khánh. Đồng thời, phối hợp với Công an Thành phố bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, không để kẻ địch, tội phạm, phần tử xấu lợi dụng thiên tai để phá hoại, chiếm đoạt tài sản của Nhà nước và Nhân dân trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra.

Điều 48. Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố (Hepza)

1. Yêu cầu các doanh nghiệp có phương án, kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng khu công nghiệp, khu chế xuất phải thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai theo quy định, đặc biệt là trong bối cảnh có thiên tai, dịch bệnh xảy ra trong khu công nghiệp.

2. Kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai hàng năm đúng theo quy định.

Điều 49. Cục Thống kê Thành phố

Phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, phường - xã, thị trấn trong việc thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

Điều 50. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố

Chủ trì, phối hợp cùng Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện tổ chức cứu trợ kịp thời hoặc khi thiên tai xảy ra gây thiệt hại nặng thì tổ chức phát động, tiếp nhận và phân phối các nguồn tiền, hàng hóa do các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, nhà hảo tâm ủng hộ giúp người dân sớm ổn định cuộc sống, nhất là hộ gia đình chính sách, người có công với cách mạng, hộ nghèo, cận nghèo và khó khăn.

Điều 51. Thành Đoàn

Tổ chức lực lượng thanh niên xung kích, tình nguyện viên tham gia hỗ trợ các lực lượng trong công tác ứng phó và khắc phục hậu quả khi thiên tai xảy ra trên địa bàn Thành phố.

Điều 52. Hội Chữ thập đỏ Thành phố

1. Chủ trì thực hiện các chương trình, kế hoạch phòng, chống tai nạn, thương tích do thiên tai.

2. Phối hợp với Sở Y tế, các Bệnh viện - Trung tâm Y tế Thành phố và cấp huyện, Trạm Y tế các phường - xã, thị trấn tổ chức sơ cấp cứu, giúp đỡ, cứu trợ kịp thời các nạn nhân thiên tai, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

Điều 53. Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố

1. Phối hợp và tham gia xây dựng quy hoạch, chính sách, chương trình phòng, chống thiên tai phù hợp với định hướng, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

2. Phối hợp với Sở Nội vụ, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện nghiên cứu nguồn nhân lực phục vụ cho công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn Thành phố.

3. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện nghiên cứu và đề xuất các giải pháp chống ngập do mưa, triều cường và xả lũ ở thượng nguồn trên địa bàn Thành phố.

Điều 54. Đài Truyền hình Thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố, các cơ quan thông tấn báo chí Thành phố

1. Thực hiện công tác truyền tin, thông báo chính xác, kịp thời các thông tin cảnh báo, dự báo thời tiết, thiên tai; các chủ trương, chỉ đạo, chỉ thị về phòng, chống thiên tai của Trung ương và Thành phố; các kinh nghiệm điển hình trong công tác phòng, chống thiên tai.

2. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn xây dựng chương trình, kế hoạch để thường xuyên tuyên truyền, phổ biến cho Nhân dân những kiến thức cơ bản về phòng, chống thiên tai.

Mục 2**TRÁCH NHIỆM CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC,
CÁC QUẬN - HUYỆN, PHƯỜNG - XÃ, THỊ TRẤN****Điều 55. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện**

1. Thực hiện lồng ghép nội dung bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo phát triển bền vững.

2. Xây dựng, tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai trên địa bàn quản lý.

3. Xây dựng, kiện toàn lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai phường - xã, thị trấn. Đảm bảo chế độ, chính sách cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai phường - xã, thị trấn theo quy định tại Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36 và Điều 37 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Tổ chức kiện toàn lực lượng Quản lý đê nhân dân theo Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2012 và Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Đảm bảo chế độ, chính sách cho lực lượng Quản lý đê nhân dân theo Thông tư số 92/2009/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính.

5. Đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp và quản lý, vận hành hiệu quả công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn; xây dựng, lắp đặt hệ thống theo dõi, cảnh báo thiên tai tại các khu vực trọng điểm, xung yếu. Lập dự trù kinh phí đầu tư phương tiện, trang thiết bị phòng, chống thiên tai để phân kỳ thực hiện.

6. Chủ động rà soát, sắp xếp lại dân cư, có kế hoạch di dời dân cư sinh sống tại những khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai đến nơi an toàn.

7. Chuẩn bị kế hoạch, huy động lực lượng, phương tiện, vật tư dự phòng để sẵn sàng ứng phó khi xảy ra thiên tai.

8. Chủ động xây dựng kế hoạch dự trữ các mặt hàng thiết yếu như lương thực, thực phẩm, nhiên liệu, thuốc men để phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo địa bàn quản lý. Khuyến cáo, yêu cầu người dân dự trữ lương thực, thực phẩm và các mặt hàng thiết yếu khi xảy ra thiên tai.

9. Đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng cho các dự án chống ngập của Thành phố. Riêng các quận nội thành, các khu vực đã đô thị hóa thuộc huyện, quận ven phối hợp với Sở Xây dựng chủ động tổ chức triển khai chương trình chống úng ngập nội thị lồng ghép với chương trình chỉnh trang đô thị và nâng cấp hẻm; thường xuyên bảo vệ, kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng và nạo vét, duy tu, sửa chữa hệ thống tiêu thoát nước, kiểm soát triều, công trình thủy lợi, đê điều trên địa bàn; thực hiện các biện pháp bảo vệ cây xanh không bị ngã đổ, gãy nhánh gây tai nạn.

10. Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai, trong đó chú trọng đến công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn kiến thức, kinh nghiệm phòng, chống thiên tai cho người dân.

11. Kiểm tra, xử lý vi phạm các trường hợp san lấp, xây dựng lấn chiếm hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch, công trình phòng, chống thiên tai, đê điều, tiêu thoát nước trái phép.

12. Nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc để đảm bảo thông suốt, đặc biệt trong thời gian xảy ra thiên tai. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, kỹ thuật và sử dụng

vật liệu mới vào phục vụ phòng, chống thiên tai.

13. Thực hiện thu, nộp, quản lý, sử dụng, quyết toán Quỹ Phòng, chống thiên tai theo Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai và quy định của pháp luật hiện hành.

14. Các địa phương bị thiệt hại do thiên tai có trách nhiệm kiểm tra, thống kê, đánh giá (nhANH, đầy đủ, chính xác) và báo cáo cơ quan cấp trên kịp thời theo quy định.

Điều 56. Ủy ban nhân dân các phường - xã, thị trấn

1. Thực hiện công tác phòng, chống thiên tai tại địa bàn mình quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao; những vấn đề vượt thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo giải quyết.

2. Các công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn phường - xã, thị trấn nào do Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn đó tổ chức thực hiện phương án vận hành, bảo vệ.

3. Ủy ban nhân dân các phường - xã, thị trấn hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các ấp - khu phố, tổ dân phố thực hiện công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn quản lý.

4. Ủy ban nhân dân các phường - xã, thị trấn bị thiệt hại do thiên tai có trách nhiệm kiểm tra, thống kê, đánh giá (nhANH, đầy đủ, chính xác) và báo cáo cơ quan cấp trên kịp thời theo quy định.

Mục 3

CÁC TỔNG CÔNG TY, DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

Điều 57. Các tổng công ty, doanh nghiệp Nhà nước đóng trên địa bàn Thành phố

1. Tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thành viên xây dựng các phương án, kế hoạch phòng, chống thiên tai; báo cáo kết quả thực hiện cho cơ quan cấp trên và Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố theo quy định.

2. Đóng góp tài chính, vật tư, nhân lực cùng chính quyền địa phương sở tại tu sửa, bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai, hệ thống công trình thủy lợi, đê điều.

Điều 58. Tổng Công ty Điện lực Thành phố - Trách nhiệm hữu hạn

1. Kiểm tra, bảo vệ hệ thống truyền tải, thiết bị điện, trạm biến thế, công trình điện lực được giao quản lý; đồng thời, xử lý khắc phục nhanh chóng sự cố đường dây tải điện bị hư hỏng do thiên tai gây ra.

2. Đảm bảo nguồn điện phục vụ cho công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn Thành phố. Tổ chức vận hành đảm bảo an toàn hệ thống lưới điện trong điều kiện thiên tai xảy ra.

Điều 59. Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn

Đảm bảo an toàn hệ thống, nguồn và lượng nước sạch cung cấp cho Thành phố; dự kiến các phương án tổ chức cung cấp nước sạch kịp thời cho người dân tại các khu vực bị mất nguồn nước và thiệt hại do thiên tai gây ra.

Điều 60. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Môi trường đô thị Thành phố

Chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố, Sở Y tế thực hiện việc mai táng các nạn nhân vô danh bị thiệt mạng do thiên tai gây ra.

Chương VI**NGUỒN TÀI CHÍNH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI****Điều 61. Nguồn tài chính phòng, chống thiên tai**

1. Nguồn Ngân sách Nhà nước.
2. Nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố.
3. Nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân.
4. Nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 62. Kế hoạch đầu tư cho chương trình, dự án, công tác phòng, chống thiên tai

Hàng năm, các sở, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện lập dự toán mua sắm phương tiện, trang thiết bị, xây dựng, tu sửa công trình phòng, chống thiên tai và đề xuất các chương trình, dự án, hạng mục phục vụ công tác phòng, chống thiên tai gửi về Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Điều 63. Công tác vào sổ kế toán

Kinh phí, vật tư, phương tiện, trang thiết bị đã sử dụng cho công tác phòng, chống thiên tai không phân biệt từ nguồn nào đều phải vào sổ sách và thanh quyết toán theo đúng quy định pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 64. Khen thưởng

Thực hiện theo Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013 và các quy định khác của pháp luật.

Điều 65. Xử lý vi phạm

Thực hiện theo Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020; Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều; Nghị định số 65/2019/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật liên quan.

Điều 66. Tổ chức thực hiện

1. Hàng năm, các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, phường - xã, thị trấn tổ chức tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm công tác phòng, chống thiên tai để làm cơ sở xây dựng kế hoạch, phương án và biện pháp chủ động phòng chống thiên tai sát hợp với tình hình thực tế tại địa phương, đơn vị và xu hướng diễn biến thiên tai, biến đổi khí hậu trong năm, đảm bảo triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất và có hệ thống từ Thành phố đến quận - huyện, phường - xã, thị trấn, nhất là các vùng trọng điểm, xung yếu thường xuyên và có nguy cơ xảy ra thiên tai.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức giám sát các cơ quan chức năng thực hiện pháp luật về phòng, chống thiên tai trên địa bàn Thành phố.

3. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố chủ trì triển khai, chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; định kỳ báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân Thành phố./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2022/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng
cơ sở giáo dục chuyên biệt ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn
Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Thực hiện ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố tại Công văn số 80/HĐND-KTNS ngày 26 tháng 01 năm 2022 ý kiến về tiêu chuẩn, định mức sử

dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng cơ sở giáo dục chuyên biệt ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 616/TTr-SGDĐT ngày 08 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng cơ sở giáo dục chuyên biệt ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị sự nghiệp công lập gồm cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật; trường phổ thông đặc biệt; trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; các trường mầm non và phổ thông có phòng, lớp giáo dục hòa nhập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục chuyên biệt).

Điều 2. Tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng cơ sở giáo dục chuyên biệt lĩnh vực giáo dục và đào tạo

1. Tiêu chuẩn định mức, sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng cơ sở giáo dục chuyên biệt: Chi tiết theo Danh mục đính kèm Quyết định này.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng cơ sở giáo dục chuyên biệt được áp dụng đối với máy móc, thiết bị đủ tiêu chuẩn tài sản cố định theo quy định của chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Việc quản lý, sử dụng tài sản, máy móc, thiết bị chuyên dùng cơ sở giáo dục chuyên biệt phải được thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo thực hành tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí.

4. Việc mua sắm tài sản máy móc, thiết bị chuyên dùng cơ sở giáo dục chuyên biệt phải đảm bảo đúng chế độ, công khai tiêu chuẩn, định mức sử dụng trên cổng thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ sở đào tạo, quy định của pháp luật về mua sắm tài sản công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục chuyên biệt trên địa bàn Thành phố

Tuân thủ đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, nguyên tắc trang bị, mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản tại Quyết định này và các quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan; xây dựng kế hoạch rà soát định kỳ đối với các tài sản máy móc, thiết bị chuyên dùng đảm bảo chất lượng đối với thiết bị trong quá trình sử dụng.

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện danh mục tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng cơ sở giáo dục chuyên biệt thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo ban hành theo Quyết định này.

Tổng hợp đề xuất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, ban hành bổ sung danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng cơ sở giáo dục chuyên biệt ngành giáo dục và đào tạo phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước Thành phố

Kho bạc Nhà nước Thành phố căn cứ tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng cơ sở giáo dục chuyên biệt kèm theo Quyết định này thực hiện kiểm soát chi đối với Kho bạc các quận, huyện, thành phố Thủ Đức; cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2022.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Anh Đức

PHỤ LỤC
DANH MỤC TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC CHUYÊN BIỆT NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2022
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Danh mục thiết bị	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Thuyết minh mục đích sử dụng và số lượng tối đa	Thông số kỹ thuật	Tính năng thiết bị
A	THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG SỬ DỤNG CHUNG						
1	Bộ thiết bị có trong danh mục thiết bị dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Máy móc, thiết bị đồng bộ; máy móc, thiết bị đơn chiếc; dây chuyền công nghệ; dụng cụ; đồ dùng, đồ chơi; bàn; ghế; bảng; tủ/giá, kệ và các thiết bị khác (sau đây gọi chung là thiết bị) được sử dụng cho	Bộ/Cái	Theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng cấp học	Theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng cấp học		Theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng cấp học

		hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy, học tập, đào tạo, thí nghiệm, thực hành, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong các cơ sở giáo dục và cơ sở đào tạo.					
2	Bảng tương tác thông minh có chân đế di động	Thiết bị tương tác thông minh	Cái	5 cái/đơn vị	Mỗi đơn vị trường, trung tâm sử dụng để giảng dạy trong các giờ học và trải nghiệm. Các trường chuyên biệt/trung tâm chủ yếu dạy học sinh bậc tiểu học nên 5 cái để 5 khối từ 1 đến 5 cùng chia thời gian sử dụng.	Đèn nền: Direct type LED Vùng tương tác (mm): 1428.48(H)*803.52(V) Độ phân giải: 4K/3840*2160 /60hz Pixel Pitch: 0.372mm x 0.372mm	Trình chiếu nội dung dạy học trên màn hình, giúp học sinh tương tác trên màn hình

3	Máy chiếu đa năng và màn chiếu	Thiết bị chiếu đa năng và màn chiếu	Cái	4 cái/đơn vị	Tập huấn, trình chiếu cho giáo viên, học viên các hoạt động giới thiệu, giao lưu Cần 2 cái cố định để gắn sẵn trong hội trường và phòng thư viện, phục vụ tập huấn và hội họp; 2 cái di động có thể đặt trong phòng giáo viên hoặc ngoài sân khi có hoạt động tập thể	Máy chiếu: Loại thông dụng. Có đủ cổng kết nối phù hợp; Cường độ sáng tối thiểu 3.500 Ansilumens; Độ phân giải tối thiểu XGA; Kích cỡ khi chiếu lên màn hình tối thiểu 100 inch; Điều khiển từ xa; Kèm theo màn chiếu và thiết bị điều khiển Màn hình hiển thị: Loại thông dụng, màn hình tối thiểu 50 inch, Full HD Có đủ cổng kết nối phù hợp; Có ngôn ngữ hiển thị Tiếng Việt; Điều khiển từ xa; Nguồn điện: AC 90-220V/50Hz.	Trình chiếu văn bản, hình ảnh hoặc video đồ họa lớn đủ để tất cả những người tham gia hoạt động, học tập bên dưới có thể nhìn rõ và tham gia tốt hơn vào hoạt động. Góp phần làm gia tăng sự sinh động và hiệu quả của bài giảng, hoạt động (có thể phòng to chữ dùng cho học sinh nhìn kém)
---	--------------------------------	-------------------------------------	-----	--------------	---	--	--

4	Máy vi tính có cài đặt phần mềm chuyển đổi chữ in sang chữ nổi	Máy vi tính thương hiệu Việt Nam	Bộ	5 cái/đơn vị	Phục vụ cho công tác dạy học trẻ khiếm thị. Các giáo viên ở mỗi khối lớp sử dụng một máy khi tạo chế bản chữ nổi cho học sinh.	Cấu hình đảm bảo: + Cài đặt được các phần mềm dạy học của các môn học trong nhà trường; + Có kết nối mạng LAN; Internet. - Bao gồm: bàn phím, chuột, màn hình, tai nghe, micro, webcam. - Được cài đặt hệ điều hành và phần mềm Duxbury, Picture Braille dạy học không vi phạm bản quyền.	Làm chế bản sách giáo khoa chữ nổi Braille cho học sinh khiếm thị
5	Máy in chữ nổi Braille	Tốc độ cao	Cái	1 cái/đơn vị	Phục vụ cho công tác dạy học trẻ khiếm thị. Máy in tốc độ cao, phải nhập từ nước ngoài để in sách chữ nổi, đề cương học tập cho học sinh toàn trường.	In cả 6 và 8 chấm chữ nổi / một mặt 450 CPS (1,350 trang/giờ) Chất lượng cao	In chữ nổi Braille

6	Máy photocopy thermoform in hình nổi trên giấy nhựa Brailon cho học sinh khiếm thị	Máy photo hình nổi chuyên dùng	Cái	2 cái/đơn vị	<p>Nhân bản nhiều hình nổi phục vụ dạy học cho học sinh khiếm thị. Sau khi giáo viên/nhân viên làm chế bản hình nổi thủ công thì dùng máy này để photocopy cho học sinh, tốc độ photo rất chậm do phải đặt từng tờ giấy photo, chờ 3 phút lấy tờ này ra mới đặt tiếp tờ khác. Nên cần 2 máy để 1 người có thể đứng 2 máy cùng lúc nhằm giảm thời gian và tăng sản phẩm.</p>	Máy photo Brailon EZ-Form	Photocopy hình nổi cho học sinh khiếm thị
7	Máy in màu đa năng	Máy in chuyên dùng	Cái	1 cái/đơn vị	<p>Kết nối với máy vi tính để in hình màu phục vụ giảng dạy trẻ khuyết tật. 01 cái đặt ở văn phòng. Ban giám hiệu và giáo viên chuyên môn sẽ tổng hợp các hình</p>	<p>Tốc độ in: 25 trang / phút (In 1 mặt : A4: 25trang/phút, in 2 mặt : A4: 7.7tờ (tờ/phút)) Độ phân giải: 1200 x 1200 dpi Công nghệ xử lý: Ngôn ngữ in UFR II LT cực nhanh</p>	In sách giáo khoa cho học sinh nhìn kém và học sinh khuyết tật trí tuệ.

					ảnh nổi để thực hiện in ấn tài liệu dạy học cho học sinh khuyết tật, nhân viên văn phòng sẽ thực hiện in ấn.		
8	Phần mềm Boardmaker	Phần mềm chuyên dùng làm bảng giao tiếp	Bộ	1 bộ/đơn vị	Công cụ dạy trẻ khuyết tật thiết kế các bảng giao tiếp. 01 phần mềm cài ở 1 máy tại văn phòng, các giáo viên sẽ thực hiện chọn hình ảnh, lời nói để tạo bảng giao tiếp cho học sinh khuyết tật ngôn ngữ.	Phần mềm thiết kế hình ảnh biểu tượng cho học sinh khiếm thị, có thể ghép âm thanh vào bảng giao tiếp	Tạo bảng giao tiếp cho học sinh mù, học sinh khuyết tật không có khả năng sử dụng ngôn ngữ lời nói
B	CÁC THIẾT BỊ KHÁC PHỤC VỤ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC						

I PHÒNG IN ẤN SÁCH GIÁO KHOA VÀ LÀM ĐỒ DÙNG DẠY HỌC							
1	Máy đánh chữ nổi Perkins Braille	Máy đánh chữ nổi chuyên dùng	Cái	5 cái/phòng	Đánh máy đề cương, tài liệu chữ nổi Braille cho học sinh khiếm thị. Máy đánh chữ này là máy nhỏ cho cá nhân, học sinh cũng có thể sử dụng để luyện vận động tinh và tạo tài liệu học tập cho bản thân. 05 cái để giáo viên và một nhóm học sinh cùng sử dụng, giáo viên chỉ có thể bao quát và sửa lỗi cùng lúc cho 05 học sinh trên máy đánh chữ nổi này.	BRAILLE TYPEWRITER	Đánh máy thủ công cho học sinh khiếm thị
2	Máy in hình màu nổi cho học sinh khiếm thị	Heater machine	Cái	2 cái/phòng	In các hình nổi theo bản in màu giảng dạy học sinh khuyết tật. Máy in hình màu nổi có tốc độ chậm nên cần 2 cái mới đủ công suất làm hình màu nổi cho sách	SWELL FORM MACHINE	In hình nổi có màu trên tờ giấy đặc biệt

					giáo khoa và tài liệu học tập cho học sinh,		
3	Máy in hình có chấm Braille cho học sinh khiếm thị	Máy in chuyên dùng	Cái	2 cái/phòng	In hình nổi và các chấm nổi Braille để dạy học sinh khiếm thị. Máy này cần 02 cái để in các hình hình học cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 12 các môn Toán, Lý, Hoá, Khoa học.	VIEW PLUS	In hình bằng 6 chấm Braille
4	Bộ máy đóng sách và máy làm nhãn chữ nổi	Gồm 1 máy đóng lò xo sắt và 1 máy làm nhãn chữ nổi chuyên dùng	Bộ	3 bộ/phòng	Đề đóng sách và làm nhãn sách chữ nổi. Cần 3 cái để nhãn viên và giáo viên có thể sử dụng cùng lúc khi đóng sách, tập cho học sinh.	Labeler	Dán nhãn chữ nổi trên gáy và bìa sách
5	Máy in chữ nổi Braille và chữ in trên cùng một trang sách	Máy in chữ nổi chuyên dùng	Cái	2 cái/phòng	In sách giáo khoa cho học sinh khiếm thị kết hợp chữ in và chữ nổi. Cần 02 cái để in sách cho học sinh lớp 1 và các học	Gemini Super Braille Embosser	Vừa có chữ của người sáng mắt vừa có chữ nổi trên một trang sách

					sinh bị mù vì tai nạn/bệnh khi đang học phổ thông, cha mẹ và giáo viên có thể cùng đọc chữ in của người sáng mắt và chữ nổi Braille với học sinh.		
6	Bộ máy vi tính và máy in A3 để đánh máy và in phóng to sách cho học sinh khuyết tật	Gồm 1 máy vi tính và 1 máy in A3, thương hiệu có trên thị trường	Bộ	2 bộ/phòng	Đánh máy tài liệu sách giáo khoa và tài liệu chữ nổi. Cần 02 bộ để in sách phóng to, in tài liệu tùy theo thị lực và mức độ khuyết tật, khả năng đọc của học sinh.	Máy vi tính thương hiệu Việt Nam sản xuất trên (Intel Core i5) dây chuyền công nghệ ISO 9001:2008 và ISO 14001:2004. Máy in Epson có độ phân giải tối thiểu: 600 x 600 dpi. Tốc độ: 10-25 trang/phút	In sách giáo khoa cho học sinh nhìn kém, in tranh, ảnh sử dụng để dạy học sinh khuyết tật học tập, thực hành.
II	PHÒNG HỌC						
1	Bộ thiết bị có trong danh mục thiết bị dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Phương tiện, thiết bị của phòng học trong danh mục thiết bị dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo từng cấp học	Bộ/Cái	Theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng cấp học	Theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng cấp học	Theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng cấp học	

2	Bộ mô hình dạy Toán Hình học, Lý, Hóa và máy tính điện tử có phát âm Talking Calculator	Thương hiệu có trên thị trường	Bộ	20 bộ/phòng	Dạy Toán hình học, Lý, Hóa cho học sinh khuyết tật cho tối đa 20 học sinh	Máy tính có tiếng nói 12 số có tiếng nói	Có phát âm khi nhấn nút số
3	Bộ thiết bị dạy học tương tác: Smart TV (Màn hình cảm ứng), phần mềm hỗ trợ dạy học.	Smart TV (Màn hình cảm ứng) từ 45 inches trở lên, bộ giá treo màn hình, bộ lưu điện, học liệu, phần mềm quản lý...	Bộ	1 bộ/phòng	Hỗ trợ dạy học sinh khuyết tật qua thiết bị nghe, nhìn.	Đường truyền kết nối không dây; WiFi5, Bluetooth 4.2, chế độ kết nối PC to TV cho hoạt động học tập.	Có thể điều khiển tivi bằng điện thoại, chiếu màn hình điện thoại lên tivi không cần dây cáp. Có thể tìm kiếm, điều khiển bằng giọng nói, nhận diện khuôn mặt, điều khiển bằng cử chỉ. Có thể hỗ trợ sử dụng cho học sinh khuyết tật thuận lợi, giúp cho việc dạy học đạt hiệu quả cao hơn.

III	CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG						
III.1	PHÒNG TÂM VẬN ĐỘNG						
1	Bộ vận động: Nhà banh, cầu trượt gỗ có khoảng trống dưới gầm, dụng cụ ép cảm thụ bản thể, cầu thang tập đi, nệm lớn có lò xo	Thương hiệu Việt Nam, gồm 1 nhà banh, 1 cầu trượt gỗ có khoảng trống dưới gầm, 1 dụng cụ ép cảm thụ bản thể, 2 cầu thang tập đi, 2 nệm lớn có lò xo	Bộ	1 bộ/phòng	Tăng cường vận động, thư giãn trị liệu cho học sinh khuyết tật	Việt Nam, EDC	Bộ dụng cụ để thực hiện các phương pháp tác động qua vận động cơ thể giúp trẻ biểu lộ cảm xúc đồng thời qua vui chơi giúp trẻ phát triển các yếu tố về vận động, cơ thể, tâm lý, giao tiếp xã hội và nhận thức.
III.2	PHÒNG ÂM NHẠC TRỊ LIỆU						
1	Bộ thiết bị có trong danh mục thiết bị dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Phương tiện, thiết bị dạy môn âm nhạc có trong danh mục thiết bị dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo từng cấp học	Bộ/Cái	Theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng cấp học	Theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng cấp học	Theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng cấp học	

2	Bộ trống điện tử, trống lục lạc tambourine, bộ lắc tay maraca, đàn gõ xylophone, kèn pianicas	Các thương hiệu trên thị trường, gồm 1 trống điện tử, 5 trống lục lạc tambourine, 5 bộ lắc tay maraca, 10 đàn gõ xylophone, 10 kèn pianicas	Bộ	1 bộ/phòng	Tăng cường thư giãn, trị liệu cho học sinh đa tật bằng âm thanh, âm nhạc	Theo tiêu chuẩn của nhạc cụ	Tạo âm thanh các cường độ khác nhau.
3	Bộ đàn dây: Đàn guitar, đàn mandoline, đàn violine	Các thương hiệu trên thị trường, gồm 5 đàn guitar, 5 đàn mandoline, 5 đàn violine	Bộ	1 bộ/phòng	Tăng cường thư giãn, trị liệu cho học sinh đa tật bằng âm nhạc	Theo tiêu chuẩn của nhạc cụ	Tạo âm thanh các cường độ khác nhau.
4	Đàn accordeon	Các thương hiệu trên thị trường	Cái	2 cái/phòng	Tăng cường thư giãn, trị liệu cho học sinh đa tật bằng âm nhạc. Cần ít nhất 02 cái để giáo viên và học sinh cùng sử dụng trong khi dạy cá nhân cho học sinh, hoặc giáo viên dạy cùng lúc cho 2 học sinh để các em có thể cùng học với nhau và so sánh âm thanh cùng nhau.	Theo tiêu chuẩn của nhạc cụ	Tạo âm thanh các cường độ khác nhau.

III.3 PHÒNG HỖ TRỢ HỌC SINH HOÀ NHẬP							
1	Máy phóng to chữ CCTV	Closed Circuit Television	Cái	2 cái/phòng	Giúp cho học sinh thị lực kém các cấp độ có thể học chữ. Cần 2 cái vì số lượng học sinh nhìn kém đông, khi cần đọc sách bằng máy CCTV thì ít nhất có 2 em được sử dụng máy này.	Máy phóng to chữ cho người nhìn kém	Phóng to chữ dành cho học sinh hoà nhập
3	Thiết bị hướng dẫn đọc, viết chữ nổi	Orbit Reader	Cái	20 cái/phòng	Giúp cho học sinh mù hoàn toàn có thể sử dụng thay thế cho bộ bảng và dùi viết (trong tự bút, vở của học sinh sáng mắt) và lưu trữ sách giáo khoa chữ nổi. Học sinh không cần mang theo sách giáo khoa (không tính phần hình nổi) nếu có thiết bị này. Cần 20 cái để 20 học sinh ở khối lớp khác nhau được sử dụng	Máy hiện thị chữ nổi có ghi âm	Dành cho học sinh hoà nhập

					cùng lúc.		
4	Kính phóng đại	Video Magnifiers cho trẻ nhìn kém	Cái	5 cái/phòng	Giúp cho học sinh thị lực kém các cấp độ có thể học chữ, sử dụng cho tối đa 20 học sinh	Các loại kính lúp có đèn, không đèn	Phóng to chữ và hình
5	Máy hiển thị chữ nổi	Braille display	Cái	2 cái/phòng	Giúp cho học sinh thị lực kém các cấp độ có thể học chữ.	Thiết bị gắn với máy vi tính để hiển thị chấm nổi Braille	Sờ chữ nổi không cần sách
6	Bộ thiết bị dạy học tương tác: Smart TV (Màn hình cảm ứng), phần mềm hỗ trợ dạy học.	Smart TV (Màn hình cảm ứng) từ 45 inches trở lên, bộ giá treo màn hình, bộ lưu điện, học liệu, phần mềm quản lý...	Bộ	1 bộ/phòng	Hỗ trợ dạy học sinh khuyết tật qua thiết bị nghe, nhìn.	Đường truyền kết nối không dây; WiFi5, Bluetooth 4.2, chế độ kết nối PC to TV cho hoạt động học tập.	Học sinh sử dụng để nghe và truy cập các trang khác nhau
III.4 PHÒNG DẠY KỸ NĂNG SỐNG							
1	Bộ lưu trữ thực phẩm, nước uống: Tủ lạnh, cây nước	Các thương hiệu trên thị trường, gồm 1 tủ lạnh (tối	Bộ	1 bộ/phòng	Dạy học sinh khuyết tật các kỹ năng sống hàng	Công nghệ Inverter; công nghệ làm lạnh : Navi cooling; công	Lưu trữ thực phẩm

	nóng - lạnh	đa 270 lít), 2 cây nước nóng - lạnh			ngày và lưu trữ thực phẩm trong gia đình	suất tiêu thụ 1KW/ngày	
2	Ghế ăn cùng bộ bàn ăn thông minh	Các thương hiệu trên thị trường, loại bằng gỗ, nhựa hoặc kim loại	Bộ	10 bộ/phòng	Dạy học sinh khuyết tật các kỹ năng sống hàng ngày trong gia đình. Trung bình có 10 học sinh/lớp học chuyên biệt. Cần 10 bộ để đủ chỗ ngồi cho học sinh một lớp.	Theo tiêu chuẩn lứa tuổi	Sử dụng như bồi cảnh gia đình để dạy nghề
3	Bộ nồi cơm điện, lò vi sóng, lò nướng, máy xay sinh tố	Các thương hiệu trên thị trường	Bộ	1 bộ/phòng	Dạy học sinh khuyết tật các kỹ năng sống hàng ngày và chế biến thực phẩm, nấu ăn trong gia đình	Các thiết bị sản xuất ở Việt Nam	Sử dụng như bồi cảnh gia đình để dạy nghề
4	Bộ kệ bếp inox, bếp ga, bếp từ	Các thương hiệu trên thị trường	Bộ	1 bộ/phòng	Dạy học sinh khuyết tật các kỹ năng sống hàng ngày và chế biến thực phẩm, nấu ăn trong gia đình	Các thiết bị sản xuất ở Việt Nam	Sử dụng như bồi cảnh gia đình để dạy nghề
5	Bộ tủ chén inox kèm chén, đĩa, tô, muống, nĩa	Thương hiệu Việt Nam, gồm 1 tủ chén, 10 bộ chén, đĩa, tô, muống,	Bộ	1 bộ/phòng	Dạy học sinh khuyết tật các kỹ năng sống hàng ngày	Các thiết bị sản xuất ở Việt Nam	Sử dụng như bồi cảnh gia đình để dạy nghề

		nĩa					
6	Bộ máy giặt, tủ treo quần áo, máy may, bàn ủi, máy hút bụi	Các thương hiệu trên thị trường, gồm 1 máy giặt (160 lít trở lên), 2 tủ treo quần áo, 2 máy may, 2 bàn ủi, 2 máy hút bụi	Bộ	1 bộ/phòng	Đạy học sinh khuyết tật các kỹ năng sống hàng ngày	Các thiết bị sản xuất ở Việt Nam	Sử dụng như bồi cảnh gia đình để dạy nghề
7	Bộ thiết bị dạy học tương tác: Smart TV (Màn hình cảm ứng), phần mềm hỗ trợ dạy học.	Smart TV (Màn hình cảm ứng) từ 45 inches trở lên, bộ giá treo màn hình, bộ lưu điện, học liệu, phần mềm quản lý...	Bộ	1 bộ/phòng	Hỗ trợ dạy học sinh khuyết tật các kỹ năng sống hàng ngày qua thiết bị nghe, nhìn.	Đường truyền kết nối không dây; WiFi5, Bluetooth 4.2, chế độ kết nối PC to TV cho hoạt động học tập.	Học sinh sử dụng để nghe và truy cập các trang khác nhau
III.5 PHÒNG GIÁO DỤC THỂ CHẤT							
1	Bộ thiết bị có trong danh mục thiết bị dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Phương tiện, thiết bị phục vụ môn giáo dục thể chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng cấp học	Bộ/Cái	Theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng cấp học	Theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng cấp học	Theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng cấp học	

2	Bộ thiết bị giáo dục thể chất: Thang gióng đa năng, máy chạy bộ đa năng, máy đạp xe đạp, thảm cao su tập thể thao, thiết bị Boccia (tầm mùt và bi gỗ)	Thương hiệu có trên thị trường, gồm: 2 thang gióng đa năng, 2 máy chạy bộ đa năng, 2 máy đạp xe đạp, 50m ² thảm cao su tập thể thao/phòng, 4 Boccia (tầm mùt và bi gỗ)	Bộ	2 bộ/phòng	Thiết bị chuyên dùng sử dụng cho học sinh đa tật rèn luyện thể chất, phát triển kỹ năng. Cần 2 bộ để có cùng lúc 2 học sinh được sử dụng. Có thể dùng cho 20 học sinh vào các thời điểm khác nhau trong ngày.	Các thiết bị sản xuất ở Việt Nam	Rèn luyện thể chất
III.6 PHÒNG ĐÁNH GIÁ, TƯ VẤN							
1	Bộ bảng kiểm phát triển (đánh giá trẻ từ 0 đến 6 tuổi)	Đại học Giáo dục sản xuất	Bộ	2 bộ/phòng	Thiết bị chuyên dùng kiểm tra, đánh giá trẻ đa tật. Cần 2 bộ để 2 giáo viên có thể đánh giá cùng lúc khi có nhiều trẻ đến trường có yêu cầu đánh giá.	Bộ công cụ đánh giá sự phát triển của trẻ em	Đánh giá tuổi phát triển của trẻ em
2	Bộ công cụ đánh giá: NEMI 2; ASQ; GARS 3; PEP 3; YCAT 2; RAVEN màu; WISC - V; Bayley III; Small	Viện Khoa học Giáo dục VN; Viện tâm lý học lâm sàng; Đại học Giáo dục sản xuất.	Bộ	2 bộ/phòng	Thiết bị chuyên dùng kiểm tra, đánh giá học sinh đa tật. Cần 2 bộ để 2 giáo viên có thể đánh giá học sinh cùng lúc khi có	Bộ công cụ đánh giá sự phát triển của học sinh khuyết tật	Đánh giá khả năng của học sinh khuyết tật

	Steps.				nhiều trẻ đến trường có yêu cầu đánh giá.		
3	Bộ công cụ đánh giá dựa trên chương trình chuyên biệt	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam sản xuất	Bộ	2 bộ/phòng	Thiết bị chuyên dùng kiểm tra, đánh giá học sinh đa tật. Cần 2 bộ để 2 giáo viên có thể đánh giá cùng lúc khi có nhiều trẻ đến trường có yêu cầu đánh giá.	Công cụ đánh giá chuyên dùng	Đánh giá khả năng học tập của học sinh khuyết tật nặng
4	Thiết bị đánh giá thị lực	Thiết bị chuyên dùng	Bộ	2 bộ/phòng	Thiết bị chuyên dùng để kiểm tra, đánh giá mức độ khiếm thị. Cần 2 bộ để 2 giáo viên có thể đánh giá học sinh cùng lúc khi có nhiều trẻ đến trường có yêu cầu đánh giá.	Lea - tool test dành cho việc đánh giá khả năng nhìn	Đánh giá thị lực xa và thị lực gần
III.7	PHÒNG THÍNH HỌC						

1	Thiết bị đo thính lực 2 kênh	Thiết bị chuyên dùng	Bộ	2 bộ/phòng	Thiết bị chuyên dùng kiểm tra, đánh giá mức độ khiếm thính. Dành cho các giáo viên kiểm tra thính lực cho học sinh thường xuyên, liên tục.	Máy đo thính lực Beltone	Đo thính lực cho học sinh
2	Bộ máy vi tính và máy in	Thương hiệu Việt Nam	Bộ	1 bộ/phòng	Lưu trữ và quản lý, trích xuất dữ liệu.	Cấu hình đảm bảo: + Cài đặt được các phần mềm dạy học của các môn học trong nhà trường; + Có kết nối mạng LAN; Internet. - Bao gồm: bàn phím, chuột, màn hình, tai nghe, micro, webcam Máy in Epson có độ phân giải tối thiểu: 600 x 600 dpi. Tốc độ: 10-25 trang/phút	In ấn tài liệu
III.8 PHÒNG CAN THIỆP SỚM							
1	Bộ đồ chơi cho trẻ Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Bộ	1 bộ/phòng	Theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với cấp Mầm non	Theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng cấp học	

2	Bộ bàn, ghế chuyên dùng cho học sinh (1 bàn, 02 ghế rời) và tủ đựng đồ dùng cá nhân, đồ chơi cho học sinh	Loại bằng gỗ, nhựa hoặc kim loại, thương hiệu có trên thị trường, gồm 3 bộ bàn, ghế chuyên dùng cho học sinh (1 bàn, 02 ghế rời) và 1 tủ đựng đồ dùng cá nhân, đồ chơi cho học sinh	Bộ	3 bộ/phòng	Bàn, ghế phục vụ cho học sinh trong quá trình học tập, trị liệu. Cần 3 bộ để giáo viên, học sinh và phụ huynh học sinh cùng sử dụng cùng lúc theo đúng yêu cầu của một tiết học can thiệp sớm.	Theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng cấp học	
3	Đàn organ	Thương hiệu có trên thị trường	Cái	1 cái/phòng	Phân biệt âm nhạc không lời ca và bài hát, hiểu ca từ nhịp trong bài hát. Phân biệt nhịp điệu âm nhạc, phân biệt cao độ của âm thanh,...	Theo thông số kỹ thuật của nhạc cụ	Tạo âm thanh các cường độ khác nhau; có bộ nhớ
4	Máy quay phim	Máy quay hành trình	Cái	1 cái/phòng	Ghi lại quá trình can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật nhằm phối hợp với gia đình trị liệu cho trẻ. Sau khi đánh giá hoặc can thiệp cho học sinh, giáo viên cần xem lại để phân tích hành vi, ngôn ngữ, cách thể hiện của	Hỗ trợ quay video độ phân giải 5K Cho phép chụp ảnh với độ phân giải 20MP. Hỗ trợ 2 màn hình trước và sau. Khả năng chống nước với độ sâu 30m. Dung lượng pin 1720 mAh	Quay lại hành vi của trẻ khi đánh giá để phân tích và can thiệp

					học sinh để có hướng trị liệu phù hợp và để so sánh giữa các lần đánh giá.		
III.9	PHÒNG THƯ VIỆN						
1	Các phương tiện, thiết bị theo tiêu chuẩn cơ sở vật chất thư viện do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đối với trường phổ thông	Giá, tủ chuyên dùng trong thư viện để đựng sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa, bàn, ghế, tủ, hộp mục lục, bảng...	Bộ/Cái	Theo tiêu chuẩn cơ sở vật chất thư viện do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đối với trường phổ thông	Theo tiêu chuẩn cơ sở vật chất thư viện do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đối với trường phổ thông	Theo tiêu chuẩn cơ sở vật chất thư viện do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đối với trường phổ thông	
III.10	PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC						

1	Bộ thiết bị của Phòng thực hành Tin học trong danh mục thiết bị dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Máy chủ, Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay, Thiết bị kết nối mạng, Thiết bị kết nối mạng và đường truyền Internet, Bàn để máy tính, ghế ngồi, Hệ thống điện, Hệ điều hành, Phần mềm ứng dụng...	Bộ	Theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng cấp học	Theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng cấp học	Theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng cấp học	
IV	BỘ ĐỒ CHƠI CHUYÊN DÙNG NGOÀI TRỜI						
1	Bộ vận động đa năng (thang leo, ống chui, cầu trượt)	Thiết bị giáo dục ngoài trời bằng nhựa, thương hiệu có trên thị trường	Bộ	3 bộ/đơn vị	Bộ vận động đa năng phục vụ giáo dục thể chất cho học sinh đa tật. Cần 3 bộ để có cùng lúc 3 học sinh được sử dụng. Có thể dùng cho 30 học sinh vào các thời điểm khác nhau trong ngày.	Các thiết bị sản xuất ở Việt Nam	Rèn luyện thể chất và tâm vận động

2	Bộ đồ chơi vận động thể lực: Xích đu, bập bênh đơn, bập bênh đôi, thang leo ngoài trời, đu quay, cầu trượt	Thiết bị giáo dục ngoài trời bằng nhựa, thương hiệu có trên thị trường, gồm 2 xích đu, 2 bập bênh đơn, 2 bập bênh đôi, 2 thang leo ngoài trời, 1 đu quay, 1 cầu trượt	Bộ	3 bộ/đơn vị	Bộ vận động đa năng phục vụ giáo dục thể chất cho học sinh đa tật. Cần 3 bộ để có cùng lúc 3 học sinh được sử dụng. Có thể dùng cho 30 học sinh vào các thời điểm khác nhau trong ngày.	Các thiết bị sản xuất ở Việt Nam	Rèn luyện thể chất và tâm vận động
3	Sàn nhún trampoline	Thiết bị giáo dục ngoài trời, thương hiệu có trên thị trường, đường kính 4m đến 5m	Bộ	1 bộ/đơn vị	Bộ vận động đa năng phục vụ giáo dục thể chất cho học sinh đa tật	Các thiết bị sản xuất ở Việt Nam	Rèn luyện thể chất và tâm vận động

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2022/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế quản lý và xét duyệt
cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BNG ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp, gia hạn, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 849/TTr-SNV ngày 28 tháng 02 năm 2022 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 260/BC-STP ngày 20 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2022 và thay thế Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định quản lý và xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Công an Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Tổng Công ty, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý; Thủ trưởng các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trên địa bàn Thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Văn Mãi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Về quản lý và xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các nội dung liên quan đến việc quản lý, xét duyệt, cử, cho phép đi nước ngoài, gia hạn thời gian ở nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và những đối tượng khác theo quy định thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Ủy ban nhân dân Thành phố).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với:

1. Các đối tượng đang công tác tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan, đơn vị trực thuộc, bao gồm:

a) Cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019) và Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cán bộ, công chức cấp xã.

c) Viên chức theo quy định của Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019).

d) Người được tuyển dụng vào công chức, viên chức đang thực hiện chế độ tập sự.

đ) Nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ) và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm trở lên.

e) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

2. Các đối tượng đang công tác tại các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc quyền sở hữu của Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Chủ tịch, Thành viên Hội đồng thành viên; Chủ tịch Công ty (đối với Công ty không có Hội đồng thành viên).

b) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; Giám đốc, Phó Giám đốc.

c) Trưởng Ban kiểm soát; Kiểm soát viên.

d) Kế toán trưởng.

3. Người đại diện phần vốn Nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố làm chủ sở hữu được bầu, bổ nhiệm giữ các chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, bao gồm:

a) Chủ tịch, Thành viên Hội đồng quản trị; Chủ tịch, Thành viên Hội đồng thành viên.

b) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; Giám đốc, Phó Giám đốc.

c) Các đối tượng khác theo phân công, chỉ đạo của Thường trực Thành ủy.

4. Người đại diện phần vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.

5. Cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền cử sang công tác ở các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp các cấp thuộc Thành phố.

6. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký các hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi Thành phố theo danh sách do cấp có thẩm quyền xác định.

7. Người được tuyển dụng vào làm việc trong các hội có tính chất đặc thù theo chỉ tiêu biên chế được giao mà không phải là các trường hợp nêu tại khoản 5 và khoản 6 Điều này.

8. Các đối tượng được nêu từ khoản 1 đến khoản 7 Điều này sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “Đi nước ngoài về việc công”: là việc cấp có thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài để thực hiện nhiệm vụ, chức năng chuyên môn, nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị; phục vụ lợi ích phát triển của cơ quan, đơn vị, địa phương, của Thành phố và đất nước bao gồm:

a) Đào tạo, bồi dưỡng; thực tập, tập huấn, huấn luyện.

b) Tham quan, khảo sát, nghiên cứu, chia sẻ kinh nghiệm.

c) Bàn thảo, thương lượng, trao đổi thông tin phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị.

d) Hợp tác chuyên môn, trao đổi nghiệp vụ, nhân sự liên quan đến hoạt động của cơ quan, đơn vị.

đ) Đàm phán, ký kết hợp đồng; hợp tác sản xuất, kinh doanh, chuyển giao công nghệ.

e) Tham gia hội nghị, hội thảo, diễn đàn, sự kiện có nội dung, chương trình liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

g) Tham gia hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp liên quan đến hoạt động, tài sản, lợi ích, quyền và nghĩa vụ của cơ quan, đơn vị.

h) Tham gia thi đấu, biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao.

2. “Đi nước ngoài về việc riêng”: là việc cấp có thẩm quyền cho phép cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài vì mục đích cá nhân không liên quan đến hoạt động công vụ, nghề nghiệp, chức vụ, chức danh mà cá nhân đó đang đảm nhiệm trong cơ quan, đơn vị đã nêu tại khoản 1 Điều này.

3. “Đi nước ngoài về việc riêng có thư mời đích danh”: là việc cấp có thẩm quyền cho phép đi nước ngoài về việc riêng theo văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân mời trực tiếp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

4. “Đi nước ngoài theo đoàn”: là việc cấp có thẩm quyền cử, cho phép cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài về việc công theo đoàn có từ 02 người trở lên, đi cùng một khoảng thời gian và cùng mục đích công tác.

5. “Cơ quan, đơn vị” trong Quy chế này bao gồm:

a) Cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

d) Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố làm chủ sở hữu.

đ) Doanh nghiệp mà phần vốn Nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố làm chủ sở hữu chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

e) Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Tự ý đi nước ngoài mà không xin phép cơ quan chủ quản, cấp có thẩm quyền; tự ý đi nước ngoài trước khi được sự chấp thuận của cơ quan chủ quản, cấp có thẩm quyền.

2. Tự ý ở lại nước ngoài quá thời gian quy định mà không xin phép cơ quan chủ quản, cấp có thẩm quyền.

3. Mang theo vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện nghiệp vụ, tiền, tài sản được cơ quan, đơn vị giao quản lý khi đi nước ngoài; trừ trường hợp vì mục đích công vụ và được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

4. Mang theo tài liệu mật của Đảng, Nhà nước và của cơ quan, đơn vị đi nước ngoài khi chưa được sự cho phép của cấp có thẩm quyền.

5. Sử dụng ngân sách nhà nước để đi nước ngoài về việc riêng.

6. Sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ vào mục đích kinh doanh hoặc đi nước ngoài về việc riêng.

7. Đi nước ngoài về việc riêng nhưng kinh phí do các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước đài thọ, trừ các trường hợp sau đây:

a) Có thư mời đích danh và được cấp có thẩm quyền cho phép đi nước ngoài.

b) Trúng thưởng chương trình khuyến mãi, chương trình tương thưởng của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước.

8. Không trung thực trong việc kê khai mục đích đi nước ngoài.

9. Đi không đúng quốc gia đến đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Điều 5. Đối tượng chưa xét duyệt đi nước ngoài

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc một trong những trường hợp sau đây thì chưa được xét duyệt đi nước ngoài:

1. Thuộc đối tượng tạm hoãn xuất cảnh, cấm xuất cảnh, không được xuất cảnh theo quy định pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

2. Các cơ quan, đơn vị đang tiến hành thanh tra, kiểm tra mà trong đó cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có trách nhiệm hoặc liên quan trực tiếp đến nội dung thanh tra, kiểm tra tại cơ quan, đơn vị công tác.

3. Đang trong thời gian xem xét kỷ luật; đang bị đình chỉ, tạm đình chỉ công tác.

4. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc có liên quan đến công tác điều tra tội phạm.

5. Đang có nghĩa vụ chấp hành bản án hình sự.

6. Đang có nghĩa vụ chấp hành bản án dân sự, kinh tế; đang chờ để giải quyết tranh chấp về dân sự, kinh tế.

7. Đang có nghĩa vụ chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nghĩa vụ nộp thuế và những nghĩa vụ khác về tài chính trừ trường hợp có đặt tiền, đặt tài sản hoặc có biện pháp bảo đảm khác để thực hiện nghĩa vụ đó.

8. Vì lý do ngăn chặn dịch bệnh nguy hiểm lây lan.

9. Vì lý do bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

10. Có hành vi vi phạm về xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định pháp luật.

11. Không đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan về nội dung, mục đích đi nước ngoài.

Điều 6. Nguyên tắc xét duyệt đi nước ngoài

1. Không xét duyệt đi nước ngoài về việc công đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang trong thời gian bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

2. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cấp có thẩm quyền xét duyệt cho phép đi nước ngoài về việc công không quá 02 lần trong 01 năm.

a) Trường hợp đặc biệt cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phải đi nước ngoài về việc công hơn 02 lần trong 01 năm thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cấp có thẩm quyền.

b) Không bố trí 02 lãnh đạo chủ chốt của một cơ quan, đơn vị, địa phương cùng tham gia một đoàn đi công tác nước ngoài, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận bằng văn bản.

3. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nghỉ phép đi nước ngoài về việc riêng theo đúng quy định của pháp luật về lao động.

a) Số ngày nghỉ phép đi nước ngoài về việc riêng không quá số ngày phép được nghỉ trong năm.

b) Trường hợp đặc biệt cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phải đi nước ngoài về việc riêng quá số ngày nghỉ phép theo quy định pháp luật thì phải được cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận bằng văn bản.

Số ngày đi nước ngoài về việc riêng ngoài số ngày nghỉ phép thì không được hưởng lương và các khoản thu nhập khác theo quy định pháp luật.

4. Trừ các trường hợp đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện, người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý do Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý đi nước ngoài không quá 10 ngày làm việc trong 01 chuyến đi. Trường hợp đặc biệt phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

5. Việc cử đoàn đi tham quan, khảo sát, nghiên cứu, chia sẻ kinh nghiệm ở nước ngoài phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có mục đích, nội dung, kế hoạch rõ ràng, không trùng lặp với các đoàn, chuyến đi trước.

b) Thuộc kế hoạch hằng năm, chương trình đối ngoại trong năm hoặc chủ trương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Thành phần đoàn chỉ bao gồm những người thực sự cần thiết và liên quan trực tiếp đến nội dung, chương trình, mục tiêu của chuyến đi.

d) Đảm bảo thời gian đi hợp lý, hiệu quả, tuân thủ quy định về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

đ) Đảm bảo chương trình, tiến độ, thời gian và có báo cáo kết quả cho cấp có thẩm quyền theo đúng quy định.

6. Việc chọn cử, cho phép cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài phải bảo đảm an ninh, bí mật quốc gia, bí mật cơ quan đang công tác; việc đi nước ngoài không ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

7. Cơ quan, đơn vị và cấp có thẩm quyền thực hiện xét duyệt cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài theo đúng thẩm quyền quy định.

8. Việc mời, xin phép và cho phép đi nước ngoài phải thể hiện bằng văn bản; tổ chức, cá nhân liên quan đến chuyến đi có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, chính xác tài liệu, thông tin cần thiết để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Hồ sơ xét duyệt được lưu trữ tại cơ quan, cấp có thẩm quyền ban hành quyết định.

9. Quốc gia và vùng lãnh thổ mà cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cử đến học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phải có những thành tựu tiên tiến trong lĩnh vực quản lý hành chính, kinh tế, kỹ thuật, khoa học - công nghệ; có kinh nghiệm quản lý về lĩnh vực cần học tập, nghiên cứu và có thể áp dụng tại Việt Nam. Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của quốc gia và vùng lãnh thổ được cử đến phải có các điều kiện học tập, nghiên cứu, phương pháp giảng dạy đáp ứng được mục đích, nội dung, chương trình của khóa đào tạo, bồi dưỡng.

10. Ngoài thực hiện theo Quy chế này, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động là đảng viên phải chấp hành các nguyên tắc, quy định về xét duyệt đi nước ngoài của Đảng và các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Thường vụ Thành ủy và Thường trực Thành ủy.

Điều 7. Tiêu chuẩn xét duyệt đi nước ngoài về việc công

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cử, cho phép đi nước ngoài về việc công phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

1. Bảo đảm tin cậy về chính trị, không có dấu hiệu phức tạp về chính trị và phẩm chất, đạo đức.

2. Có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của chuyến đi nước ngoài; nội dung đi nước ngoài để nghiên cứu, tham gia hội nghị, hội thảo, diễn đàn, sự kiện phải phù hợp với chức trách, nhiệm vụ đang được phân công đảm nhiệm.

3. Có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

4. Các trường hợp đi nước ngoài để tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ bằng nguồn ngân sách nhà nước, ngoài các tiêu chuẩn nêu trên còn phải đảm bảo các điều kiện theo quy định hiện hành về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ XÉT DUYỆT ĐI NƯỚC NGOÀI

Điều 8. Thẩm quyền xét duyệt, quyết định cử, cho phép cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài

1. Đi nước ngoài về việc công từ 03 tháng trở lên:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cử, cho phép đi nước ngoài về việc công từ 03 tháng trở lên đối với tất cả đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

2. Đi nước ngoài về việc công dưới 03 tháng:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cử, cho phép đi nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, công nhận, phê chuẩn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, thành phố Thủ Đức quyết định cử, cho phép đi nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc quyền quản lý và sử dụng; trừ thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nội vụ quyết định cử, cho phép đi nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại; trừ thẩm quyền quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này.

3. Đi nước ngoài về việc công theo đoàn:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cử, cho phép đi nước ngoài về việc công theo đoàn có người của từ 02 cơ quan, đơn vị trở lên đối với tất cả đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

4. Đi nước ngoài về việc riêng có thư mời đích danh:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cho phép đi nước ngoài về việc riêng nhưng có thư mời đích danh hoặc do trúng thưởng chương trình khuyến mãi, chương trình tưởng thưởng của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước đối với tất cả đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

5. Đi nước ngoài về việc riêng không có thư mời đích danh:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cho phép đi nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, công nhận, phê chuẩn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định cho phép đi nước ngoài từ 01 ngày đến dưới 03 tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc quyền quản lý và sử dụng. Trường hợp thời gian đi nước ngoài từ 03 tháng trở lên phải trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

6. Quyết định cho phép đi nước ngoài về việc công quá 02 lần trong 01 năm:

a) Việc cho phép đi nước ngoài về việc công quá 02 lần trong 01 năm do cấp có thẩm quyền xét duyệt đi nước ngoài về việc công đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quyết định và chịu trách nhiệm.

b) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phải đi nước ngoài về việc công nhiều lần trong năm để thực hiện nhiệm vụ có tính chất thường xuyên, liên tục, định kỳ theo chương trình, kế hoạch, yêu cầu của cơ quan, đơn vị thì chỉ cần trình cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận 01 lần. Văn bản chấp thuận được sử dụng trong toàn bộ thời gian còn lại đến khi kết thúc nhiệm vụ và có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm đó.

7. Việc quyết định cử, cho phép cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài phải được thể hiện bằng văn bản và theo các mẫu ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 9. Phân công thẩm định hồ sơ, xét duyệt, quyết định cử, cho phép cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài

1. Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cử, cho phép cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 8 Quy chế này và trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài về việc riêng không có thư mời đích danh từ 03 tháng trở lên quy định tại điểm b khoản 5 Điều 8 Quy chế này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố rà soát hồ sơ do Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cử, cho phép đi nước ngoài.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phân công bộ phận tổ chức cán bộ hoặc bộ phận khác theo điều kiện, đặc thù thực hiện thẩm định, trình người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định cử, cho phép đi nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc quyền quản lý theo thẩm quyền quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 10. Trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức được giao thẩm quyền xét duyệt, quyết định cử, cho phép cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

a) Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Chịu trách nhiệm với cấp trên về việc xuất cảnh, nhập cảnh đối với các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động do mình xét duyệt, quyết định cử, cho phép đi nước ngoài.

c) Thường xuyên phối hợp với cấp ủy, ủy ban kiểm tra, thanh tra nhân dân cùng cấp kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động và đảng viên.

d) Định kỳ hàng năm kiểm tra hộ chiếu của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để phòng ngừa việc xuất cảnh, nhập cảnh không phép; khi phát hiện cán bộ, công chức, viên chức và người lao động vi phạm, phải báo cáo cấp có thẩm quyền có ý kiến chỉ đạo xử lý theo quy định.

đ) Thường xuyên cập nhật vào hệ thống phần mềm Quản lý hồ sơ điện tử của Thành phố về việc đi nước ngoài của nhân sự đơn vị mình (nếu có).

e) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí khi đi công tác nước ngoài có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm giới thiệu con dấu cơ quan, đơn vị và chữ ký của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định cho phép cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài theo quy định này cho Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Sở Ngoại vụ và Công an Thành phố.

Điều 11. Trách nhiệm, nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cử, cho phép đi nước ngoài

1. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cử, cho phép đi nước ngoài:

a) Sau khi được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định cử, cho phép đi nước ngoài, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động là đảng viên có trách nhiệm báo cáo và gửi cấp ủy chi bộ nơi đang sinh hoạt một bản sao quyết định.

b) Trong thời gian ở nước ngoài, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có trách nhiệm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trong công tác, học tập, nghiên cứu và thực hiện đúng nghĩa vụ của công dân Việt Nam khi ở nước ngoài, chấp hành các quy định pháp luật của nước sở tại.

c) Sau khi về nước, trong thời gian 07 ngày làm việc, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi theo đoàn gửi báo cáo cho Trường đoàn. Trường hợp đi riêng lẻ thì báo cáo kết quả chuyến đi gửi cấp có thẩm quyền ra quyết định cử, cho phép đi nước ngoài, người đứng đầu cơ quan trực tiếp quản lý và chi bộ nơi đang sinh hoạt đảng (nếu là đảng viên).

Nội dung, thời hạn nộp báo cáo là cơ sở để cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài lần sau.

2. Nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cử, cho phép đi nước ngoài:

a) Chấp hành pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia (vùng lãnh thổ) khi đi nước ngoài.

b) Giữ gìn hình ảnh quốc gia, hình ảnh dân tộc khi ở nước ngoài.

c) Báo cáo ngay cho thủ trưởng cơ quan chủ quản, cấp có thẩm quyền nếu không thực hiện chuyển đi nước ngoài, ở lại nước ngoài quá thời gian quy định.

d) Không được đưa thân nhân khi đi công tác, trường hợp có lý do đặc biệt hoặc do yêu cầu công tác thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhập cảnh Việt Nam sau khi kết thúc chuyến đi, gửi bản sao của hộ chiếu có thông tin xuất nhập cảnh cho cấp ra quyết định và cơ quan chủ quản để quản lý, theo dõi.

e) Người được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ có nghĩa vụ sử dụng hộ chiếu theo các quy định hiện hành có liên quan về hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ.

Điều 12. Quản lý, sử dụng hộ chiếu

1. Cơ quan chủ quản cần đảm bảo các cá nhân được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ được sử dụng một loại hộ chiếu còn giá trị sử dụng cho mỗi chuyến đi công tác nước ngoài với quyết định cử đi công tác và tính chất công việc thực hiện ở nước ngoài, trừ trường hợp đặc biệt theo hướng dẫn của Bộ Ngoại giao.

a) Không sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ vào mục đích kinh doanh, du lịch và các mục đích khác không mang tính chất công vụ.

b) Khi phát hiện hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ bị mất vì bất cứ lý do gì, cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động và cá nhân được cấp hộ chiếu cần thông báo ngay bằng văn bản cho Sở Ngoại vụ.

c) Hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ do cơ quan quản lý trực tiếp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quản lý. Hộ chiếu phổ thông do cán bộ, công chức, viên chức và người lao động giữ, bảo quản.

d) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức không còn thuộc đối tượng được sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ mà hộ chiếu được cấp vẫn còn giá trị, thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý hộ chiếu của cán bộ, công chức, viên chức gửi văn bản đề nghị thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ theo quy định.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhập cảnh Việt Nam sau khi kết thúc chuyến công tác ở nước ngoài, cán bộ, công chức, viên chức phải nộp

hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ cho cơ quan có thẩm quyền quản lý, trừ trường hợp có lý do chính đáng do người đứng đầu cơ quan, đơn vị quy định.

Điều 13. Thành phần hồ sơ đề nghị đi nước ngoài về việc công

Thành phần hồ sơ đề nghị đi nước ngoài về việc công bao gồm:

1. Văn bản đề nghị xét duyệt đi nước ngoài về việc công đảm bảo các yêu cầu, nội dung sau đây:

a) Trường hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, văn bản do người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký ban hành. Trường hợp thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan, đơn vị thì văn bản do người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc đang trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ký ban hành.

b) Bảo đảm đầy đủ nội dung: mục đích chuyến đi; nội dung chuyến đi; thời điểm đi nước ngoài và trở về Việt Nam; nguồn kinh phí và cơ quan, tổ chức tài trợ, chi trả.

2. Thư mời của cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế (nếu có), gồm:

a) Bản sao có chứng thực đối với các trường hợp đủ điều kiện hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định.

b) Bản dịch sang tiếng Việt Nam, được tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chứng thực chữ ký người dịch.

3. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp. Trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức thì thực hiện theo mẫu Sơ yếu lý lịch của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Bộ Nội vụ.

4. Nội dung thuyết trình, phát biểu tại nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cử đi nước ngoài (nếu có).

5. Văn bản thẩm định của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đối với nội dung thuyết trình, phát biểu tại nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi phụ trách được cử đi nước ngoài (nếu có).

6. Văn bản thẩm định của Ban Tuyên giáo Thành ủy đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang làm việc trong các cơ quan báo chí, xuất bản Thành phố được cử đi nước ngoài về việc công.

Điều 14. Thành phần hồ sơ đề nghị đi nước ngoài về việc riêng

Thành phần hồ sơ xin xét duyệt đi nước ngoài về việc riêng bao gồm:

1. Trường hợp đi nước ngoài về việc riêng không có thư mời đích danh, hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị xét duyệt đi nước ngoài về việc riêng có đủ các nội dung: mục đích chuyến đi; nội dung chuyến đi; thời điểm đi nước ngoài và trở về Việt Nam; nguồn kinh phí và cơ quan, tổ chức tài trợ, chi trả.

Trường hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, văn bản do người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký ban hành. Trường hợp thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan, đơn vị thì văn bản do người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc đang trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ký ban hành.

b) Đơn xin phép đi nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

2. Trường hợp đi nước ngoài về việc riêng có thư mời đích danh, hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị xét duyệt đi nước ngoài về việc riêng có thư mời đích danh có đủ các nội dung: mục đích chuyến đi; nội dung chuyến đi; thời điểm đi nước ngoài và trở về Việt Nam; nguồn kinh phí và cơ quan, tổ chức tài trợ, chi trả.

Trường hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, văn bản do người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký ban hành. Trường hợp thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan, đơn vị thì văn bản do người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc đang trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ký ban hành.

b) Đơn xin phép đi nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

c) Thư mời của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế, gồm: Bản sao có chứng thực đối với các trường hợp đủ điều kiện hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và bản dịch sang tiếng Việt Nam, được tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chứng thực chữ ký người dịch.

d) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của người đứng đầu cơ quan quản lý trực tiếp. Trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức thì thực hiện theo mẫu Sơ yếu lý lịch của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Bộ Nội vụ.

đ) Nội dung thuyết trình, phát biểu tại nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cho phép đi nước ngoài (nếu có).

e) Văn bản thẩm định của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đối với nội dung thuyết trình, phát biểu tại nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi phụ trách được cho phép đi nước ngoài (nếu có).

g) Phiếu xác minh của Công an Thành phố.

Điều 15. Thời gian nộp hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định cho phép đi nước ngoài về việc công và đi nước ngoài về việc riêng

1. Thời gian nộp hồ sơ đề nghị đi nước ngoài về việc công:

Cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài về việc công có trách nhiệm nộp đầy đủ hồ sơ theo Quy chế này về Sở Nội vụ trước thời hạn đi công tác 15 ngày làm việc.

Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định và nộp đầy đủ hồ sơ theo Quy chế này về Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trong 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố rà soát và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

2. Thời gian nộp hồ sơ xin xét duyệt đi nước ngoài về việc riêng:

a) Đi nước ngoài về việc riêng không có thư mời đích danh:

Cơ quan, đơn vị nộp đầy đủ hồ sơ theo Quy chế này về Sở Nội vụ trước 15 ngày làm việc, kể từ ngày cán bộ, công chức, viên chức và người lao động xin nghỉ đi nước ngoài.

Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định và nộp đầy đủ hồ sơ theo Quy chế này về Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trong 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố rà soát và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

b) Đi nước ngoài về việc riêng có thư mời đích danh:

Cơ quan, đơn vị nộp đầy đủ hồ sơ theo Quy chế này về Sở Nội vụ trước 20 ngày làm việc, kể từ ngày cán bộ, công chức, viên chức và người lao động xin nghỉ đi nước ngoài.

Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định và nộp đầy đủ hồ sơ theo Quy chế này về Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố rà soát và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

Điều 16. Gia hạn thời gian ở nước ngoài về việc công

1. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động xin gia hạn thời gian ở nước ngoài về việc công phải có đơn trình bày lý do cụ thể, cung cấp các tài liệu và thông tin có liên quan gửi về cơ quan, đơn vị đang công tác và cấp có thẩm quyền quyết định cử đi nước ngoài bằng một trong các hình thức như: gửi thư bằng đường bưu điện, gửi bằng hộp thư điện tử công vụ và các hình thức khác trước 03 ngày kể từ ngày kết thúc chuyến đi để cấp có thẩm quyền quyết định cử đi nước ngoài xem xét, quyết định.

Trường hợp phát sinh do yếu tố khách quan, bất khả kháng buộc phải ở lại ngay trong ngày kết thúc chuyến công tác ở nước ngoài theo như quyết định đã cho phép thì cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phải báo cáo ngay cho Lãnh đạo cơ quan đang công tác, cấp có thẩm quyền thông qua hộp thư điện tử công vụ, tin nhắn điện thoại hoặc các phương tiện, hình thức liên lạc khác có thể để được xác nhận đã xin phép và ngay sau đó phải bổ sung đơn xin gia hạn gửi cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động xin gia hạn ở nước ngoài tự chi trả các chi phí phát sinh trong thời gian xin gia hạn.

Trường hợp phát sinh do yếu tố khách quan, bất khả kháng phải xin gia hạn ở nước ngoài thì chi phí phát sinh phải báo cáo xin ý kiến cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Việc cho phép gia hạn thời gian ở nước ngoài về việc công phải thể hiện bằng Quyết định hành chính. Quyết định cho phép hoặc không cho phép gia hạn thời gian ở nước ngoài sẽ được gửi bằng đường bưu điện theo địa chỉ và hộp thư điện tử mà cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã cung cấp.

4. Thẩm quyền quyết định gia hạn:

a) Trường hợp thời gian xin gia hạn dưới 90 ngày: cấp có thẩm quyền ban hành quyết định cho phép đi nước ngoài xem xét, quyết định.

b) Trường hợp thời gian xin gia hạn từ 90 ngày trở lên:

Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

5. Thời hạn giải quyết:

a) Trường hợp thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan, đơn vị: Người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định gia hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

b) Trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: Sở Nội vụ thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

6. Thành phần hồ sơ:

a) Công văn đề nghị gia hạn thời gian công tác tại nước ngoài của cơ quan, đơn vị (trường hợp gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố).

b) Đơn xin gia hạn thời gian công tác ở nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cử đi nước ngoài; trong đó trình bày cụ thể lý do xin gia hạn và cam kết thời gian trở về Việt Nam.

c) Tài liệu liên quan đến việc xin gia hạn nước ngoài: nếu là tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt Nam, được tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chứng thực chữ ký người dịch.

Trong trường hợp bất khả kháng khi người xin gia hạn đang ở nước ngoài và không thể thực hiện thủ tục chứng thực chữ ký người dịch do thời gian xin gia hạn ngắn hoặc nơi công tác không có cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chứng thực thì gửi trước nội dung bản dịch chưa có chứng thực. Người xin gia hạn phải cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung của bản dịch; đồng thời gửi bổ sung cho cấp có thẩm quyền xét duyệt ngay sau khi nhận được bản dịch có chứng thực chữ ký theo quy định.

d) Báo cáo kết quả của chuyến công tác nước ngoài đang thực hiện.

đ) Giấy tờ xác nhận thông tin nhân sự có liên quan từ cơ quan lãnh sự tại nước ngoài (cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước ngoài): nếu có.

Điều 17. Gia hạn thời gian ở nước ngoài về việc riêng

1. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động xin gia hạn thời gian ở nước ngoài về việc riêng phải có đơn trình bày lý do cụ thể, thời gian xin phép gia hạn ở lại nước ngoài về việc riêng gửi về cơ quan đang công tác và cấp có thẩm quyền quyết định cho phép đi nước ngoài bằng một trong các hình thức như: gửi thư bằng đường bưu điện, gửi bằng hộp thư điện tử công vụ, tin nhắn điện thoại hoặc các phương tiện, hình thức liên lạc khác có thể trước 03 ngày kể từ ngày kết thúc chuyến đi để cấp có thẩm quyền quyết định cho phép đi nước ngoài xem xét, quyết định.

a) Thời gian xin phép ở lại nước ngoài không quá số ngày phép còn lại được nghỉ trong năm. Trường hợp đặc biệt quá số ngày nghỉ phép theo quy định pháp luật thì phải được cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận bằng văn bản.

Số ngày được gia hạn ở nước ngoài về việc riêng ngoài số ngày nghỉ phép thì không được hưởng lương và các khoản thu nhập khác theo quy định pháp luật.

b) Trường hợp phát sinh do yếu tố khách quan, bất khả kháng buộc phải ở lại ngay trong ngày kết thúc chuyến đi thì cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phải báo cáo ngay cho lãnh đạo cơ quan đang công tác, cấp có thẩm quyền bằng một trong các hình thức: hộp thư điện tử công vụ, tin nhắn điện thoại hoặc các phương tiện, hình thức liên lạc khác có thể để được xác nhận đã xin phép và ngay sau đó phải bổ sung đơn xin gia hạn gửi cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Cấp có thẩm quyền ban hành quyết định cho phép đi nước ngoài xem xét, quyết định gia hạn thời gian ở nước ngoài về việc riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

3. Việc cho phép gia hạn thời gian ở nước ngoài về việc riêng phải thể hiện bằng Quyết định hành chính. Quyết định cho phép hoặc không cho phép gia hạn thời gian ở nước ngoài sẽ được gửi bằng đường bưu điện theo địa chỉ và hộp thư điện tử mà cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã cung cấp.

Điều 18. Giải quyết các trường hợp xin nghỉ phép ở lại nước ngoài về việc riêng sau chuyến đi nước ngoài về việc công

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được phép ở lại nước ngoài về việc riêng sau khi kết thúc chuyến đi nước ngoài về việc công nhưng không quá số ngày phép còn lại được nghỉ trong năm và phải thực hiện các quy định:

1. Phải thực hiện đầy đủ quy trình, thủ tục xin phép đi nước ngoài về việc riêng tại Điều 14 Quy chế này và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản trước ngày kết thúc chuyến đi nước ngoài về việc công. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang ở nước ngoài thì thực hiện gửi đơn xin phép bằng đường bưu điện, gửi bằng hộp thư điện tử công vụ, tin nhắn điện thoại hoặc các phương tiện, hình thức liên lạc khác có thể để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Không sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ để đi nước ngoài về việc công trong trường hợp này.

3. Tự chi trả các khoản chi phát sinh ngoài dự toán kinh phí đi công tác và có trách nhiệm báo với cơ quan có liên quan để điều chỉnh các thủ tục cần thiết liên quan đến thực hiện kinh phí chuyến đi.

4. Việc cho phép ở lại nước ngoài về việc riêng sau chuyến đi nước ngoài về việc công phải thể hiện bằng Quyết định hành chính. Quyết định cho phép hoặc không cho phép sẽ được gửi bằng đường bưu điện theo địa chỉ và hộp thư điện tử mà cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã cung cấp.

Điều 19. Chế độ báo cáo và xây dựng kế hoạch áp dụng sau chuyến đi nước ngoài về việc công

1. Trừ những trường hợp được phân công làm công tác hậu cần, hỗ trợ, cá nhân được cử đi nước ngoài về việc công phải gửi báo cáo bằng văn bản cho cấp ra quyết định và cơ quan chủ quản về kết quả chuyến đi chậm nhất sau 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chuyến đi. Trường hợp đi công tác theo đoàn thì gửi Trưởng đoàn tổng hợp, báo cáo.

2. Nội dung báo cáo gồm:

a) Lịch trình chuyến công tác.

b) Địa điểm nơi đến làm việc, thực hiện nhiệm vụ.

c) Nội dung làm việc, kể cả nội dung phát sinh ngoài kế hoạch; nội dung phát biểu hoặc thuyết trình (nếu có).

d) Thông tin của cá nhân và tổ chức có liên quan trong chuyến đi và quá trình làm việc.

đ) Đánh giá kết quả chuyến đi.

e) Kiến nghị và đề xuất.

3. Đối với đi công tác theo đoàn (có phân công Trưởng đoàn):

a) Trưởng đoàn tổng hợp báo cáo của thành viên đoàn, báo cáo cấp ra quyết định về kết quả chuyến đi chậm nhất sau 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chuyến đi theo Quyết định cử đi nước ngoài.

b) Cấp có thẩm quyền hoặc cơ quan được giao chủ trì chuyến đi tổ chức họp tổng kết, rút kinh nghiệm sau mỗi chuyến đi công tác. Thành phần họp có thể bao gồm các cá nhân, cơ quan, đơn vị khác có liên quan để kịp thời chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, kết quả chuyến đi công tác.

4. Trường hợp đi nước ngoài để tham quan, khảo sát, nghiên cứu, chia sẻ kinh nghiệm theo đoàn của một cơ quan, đơn vị, các thành viên đoàn có trách nhiệm gửi đề xuất đến Trưởng đoàn chậm nhất sau 20 ngày kể từ ngày kết thúc chuyến đi. Trưởng đoàn xây dựng kế hoạch áp dụng chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc chuyến đi.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 20. Phân công, tổ chức thực hiện

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị:

a) Căn cứ Quy chế này xây dựng và ban hành Quy chế quản lý và xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài, bảo đảm tuân thủ đúng quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố và phù hợp với đặc thù, điều kiện của cơ quan, đơn vị.

b) Chịu trách nhiệm thực hiện và triển khai Quy chế này đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý.

c) Chịu trách nhiệm về tính thiết thực, hiệu quả của việc cử cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài bằng ngân sách Nhà nước; có trách nhiệm bồi hoàn để thu hồi nộp vào ngân sách đối với các trường hợp chi sai quy định pháp luật.

d) Thường xuyên kiểm tra, giám sát và quản lý chặt chẽ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài; kịp thời xử lý khiếu nại, tố cáo và xem xét, xử lý kỷ luật theo đúng quy định đối với các trường hợp vi phạm.

đ) Định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của cấp có thẩm quyền, tổng hợp và báo cáo kết quả xét duyệt đi nước ngoài của cơ quan, đơn vị mình gửi về Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nội vụ).

2. Sở Nội vụ:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quy chế này.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ thực hiện việc xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài.

c) Tổng hợp, báo cáo số lượng, kết quả xét duyệt đi nước ngoài của các cơ quan, đơn vị trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Sở Ngoại vụ:

a) Xem xét, cấp hộ chiếu công vụ, hộ chiếu ngoại giao cho cán bộ, công chức, viên chức khi có quyết định của cấp có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Trực tiếp trao đổi với thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ quản, cấp có thẩm quyền ra quyết định đi nước ngoài khi các cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin đầy đủ theo yêu cầu và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố ngay khi nhận thấy các chuyến đi nước ngoài có yếu tố phức tạp về chính trị.

4. Công an Thành phố:

a) Thẩm tra, xác minh và có ý kiến về mặt an ninh đối với các trường hợp đi nước ngoài về việc riêng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 14 Quy chế này và các trường hợp khác theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Thời gian thẩm tra, xác minh không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

b) Trực tiếp trao đổi với các cơ quan liên quan, đơn vị quản lý trực tiếp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố

trước khi đi nước ngoài đối với nhân sự có vấn đề về chính trị, có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

5. Sở Tài chính:

a) Thẩm định dự toán kinh phí đi nước ngoài theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các chuyến đi nước ngoài có sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố các giải pháp tiết kiệm ngân sách Thành phố khi thẩm định kinh phí đi công tác nước ngoài đối với các trường hợp có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 21. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động và xử lý vi phạm

1. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài phải chấp hành nghiêm Quy chế này.

2. Tùy theo mức độ, hành vi, thực hiện xử lý vi phạm theo quy định pháp luật đối với từng đối tượng cụ thể:

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức: xử lý theo quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

b) Đối với người lao động: xử lý theo quy định pháp luật về lao động và nội quy của cơ quan, đơn vị.

c) Trường hợp người vi phạm đang là đảng viên thì xử lý kỷ luật tương ứng theo quy định của Đảng.

d) Xem xét trách nhiệm của tập thể, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có liên quan đối với những vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo thẩm quyền quản lý.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các quy định được viện dẫn trong Quy chế có bổ sung, sửa đổi hoặc được thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị gửi văn bản về Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nội vụ) để được hướng dẫn, giải quyết hoặc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng